

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Yến
Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS.Thịnh Văn Vinh

HẢI PHÒNG - 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

TÊN ĐỀ TÀI
HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Yến
Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS. Thịnh Văn Vinh

HẢI PHÒNG - 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên:Phạm Thị Yến.....Mã SV:.....110323.....

Lớp:QT1104K.....Ngành:.....Kế Toán – Kiểm Toán.....

Tên đề tài: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân.....

.....

.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày.....thángnăm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.....tháng.....năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, mạnh dạn đề xuất các phương hướng, giải pháp để hoàn thiện đề tài.
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận.
- Tuân thủ đúng yêu cầu về tiến độ thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về lý luận: tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: tác giả mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh, có giá về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toàn công tác kế tác đơn vị thực tập.
- Những số liệu minh họa trong khóa luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Điểm bằng số: 10,0.....

Điểm bằng chữ: Mười

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

PGS.TS.Thịnh Văn Vinh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Lời Cảm ơn

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp của Kế toán: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu – chi phí – xác định kết quả kinh doanh của em được hoàn thiện là nhờ sự hướng dẫn của Các thầy giáo, cô giáo và Ban lãnh đạo Công ty TNHH Nam Quân – đơn vị thực tập. Cùng với sự nỗ lực của bản thân đã không ngừng tìm hiểu, tìm tòi nghiên cứu tài liệu công tác nghiệp vụ, chuyên môn thông qua kiến thức đã được học tập và tìm hiểu thực tiễn đã hỗ trợ trong suốt quá trình viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn Thầy giáo: Phó giáo sư, tiến sĩ Thịnh Văn Vinh đã nhiệt thành quan tâm, chỉ bảo, giúp đỡ chỉ đạo các vấn đề, cốt lõi tư tưởng và cách thức triển khai khi thực hiện đề tài.

Xin chân thành cảm ơn tới Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Phòng kế toán Công ty TNHH Nam Quân. Đặc biệt là Ông: Đoàn Minh Hiệp – Giám đốc Công ty và Bà: Nguyễn Thị Thu – Kế toán trưởng Công ty đã quan tâm và tạo điều kiện về thời gian cũng như đã giúp đỡ, hỗ trợ cung cấp những cơ sở dẫn liệu, tài liệu cần thiết giúp em hoàn thành Chuyên đề.

Một lần nữa Em xin chân thành cảm ơn và xin chúc các Thầy giáo, Cô giáo luôn luôn mạnh khỏe và có những đề tài mới trong công việc giảng dạy nhằm trau dồi cho các thế hệ học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản về mặt lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ...ngày càng cao do đòi hỏi và nhu cầu xã hội hóa phát triển. Em xin kính chúc cho toàn thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty TNHH Nam Quân mạnh khỏe và thành đạt, luôn gặt hái được nhiều thành công và hiệu quả trên mọi phương diện, đường lối Hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Phạm Thị Yến

1. Sự cần thiết của đề tài.

Nền kinh tế ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thử thách cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính,... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị doanh nghiệp muốn có được số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh có độ tin cậy cao thì cần tổ chức đội ngũ nhân viên và quy trình kế toán sao cho phù hợp với thực trạng đơn vị mình, ít tốn kém và mang lại hiệu quả. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng, nhất là khi thực tế các hoạt động kế toán diễn ra ngày càng phức tạp.

Nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề trên, là sinh viên khoa kế toán – kiểm toán Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng được tham gia thực tập công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân, em đã chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp: ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân.***

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

+ Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

+ Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Quân.

+ Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho công ty TNHH Nam Quân.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

+ Đối tượng nghiên cứu: Lĩnh vực nghiên cứu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

+ Phạm vi nghiên cứu: Là tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Quân trong thời gian thực tập.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài.

+ Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ), phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu đã đạt được,...

+ Phương pháp cụ thể: Phương pháp trình bày, kết hợp mô tả với phân tích, giữa luận giải với bảng biểu sơ đồ.

5. Nội dung kết cấu.

Nội dung khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Quân.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Nam Quân.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận sự giúp đỡ nhiệt tình từ các cô chú, anh chị kế toán và sự hướng dẫn của thầy giáo: Phó giáo sư, tiến sĩ Thịnh Văn Vinh nhưng bài viết sẽ không tránh khỏi những sai sót và nhiều hạn chế. Em hy vọng những ý kiến của em sẽ góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Quân.

Em xin chân thành cảm ơn!

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CHƯƠNG 1

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, vì vậy các doanh nghiệp cần tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc và có hiệu quả công tác quản lý, tiết kiệm chi phí và nâng cao doanh thu và lợi nhuận. Nhiệm vụ của mỗi doanh nghiệp là chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ đồng thời thay đổi cải tạo công nghệ mới tăng sức cạnh tranh trước các đối thủ.

Các doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn và thử thách, để đứng vững và phát triển, các doanh nghiệp đều phải hoạt động theo nguyên tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp bị lỗ. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Việc xác định kết quả kinh doanh thường được làm cuối kỳ kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cho doanh nghiệp mà rất cần thiết cho các đối tượng quan tâm khác: Nhà đầu tư, khách hàng, người lao động, ngân hàng,...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.1.2. Các khái niệm cơ bản.

1.1.2.1. Doanh thu.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kì kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các quy định khi hạch toán doanh thu và thu nhập khác:

+ Doanh thu chỉ ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia theo quy định tại Chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thỏa mãn các điều kiện thì không hạch toán vào doanh thu.

+ Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

+ Trường hợp hàng hóa hoặc dịch vụ trao đổi lấy hàng hóa và dịch vụ cùng bản chất thì không ghi nhận doanh thu.

+ Phải theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, doanh thu từng mặt hàng ngành hàng, từng sản phẩm,...theo dõi chi tiết từng khoản giảm trừ doanh thu, để xác định doanh thu thuần của từng loại doanh thu, chi phí từng mặt hàng, từng sản phẩm...để phục vụ cho cung cấp thông tin kế toán để quản trị doanh nghiệp và lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc xác định doanh thu đối với một số trường hợp cụ thể:

+ Doanh thu trả góp bằng doanh thu bán 1 lần không bao gồm lãi trả chậm.

+ Doanh thu hàng trao đổi bằng giá bán tại thời điểm trao đổi.

+ Doanh thu đại lý bằng hoa hồng được hưởng.

+ Doanh thu gia công bằng giá gia công.

+ Doanh thu sản phẩm giao khoán là số tiền phải thu ghi trên hợp đồng.

+ Doanh thu tín dụng bằng lãi cho vay đến hạn phải thu.

+ Doanh thu bảo hiểm bằng phí bảo hiểm.

+ Doanh thu công trình xây lắp nhiều năm bằng giá trị ứng với khối lượng hoàn thành trong năm được người giao thầu chấp nhận thanh toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Các loại doanh thu:

- **Doanh thu bán hàng:**

Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ các nghiệp vụ bán sản phẩm, hàng hóa. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng không bao gồm thuế GTGT, còn các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là giá trị thanh toán của số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực số 14 Ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời cả năm điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- + Bán hàng qua kho, bán hàng vận chuyển theo hình thức vận chuyển hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

- Bên bán đã chuyển hàng đến thời điểm người mua.

- Bên bán đã thu tiền hàng hoặc đã được bên mua nhận nợ.

- + Phương thức bán lẻ hàng hóa thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng.

- + Phương thức đại lý ký gửi thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng từ bên đại lý ký gửi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

• **Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Là số tiền thu được từ các giao dịch, phản ánh doanh thu cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu cung cấp dịch vụ là tổng giá trị thanh toán của các dịch vụ đã thực hiện.

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- + Xác định chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

Là các khoản làm giảm tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, bao gồm các khoản sau:

✓ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại bên bán.

✓ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng bị kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

✓ **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu dùng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém chất lượng, không đúng chủng loại,

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi nhận giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:** Là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

- **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

- **Doanh thu nội bộ:**

Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Là tổng giá trị, lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp đạt được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 14, doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- **Thu nhập khác:**

Là khoản doanh thu doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán thanh lý Tài sản cố định.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- + Thu nhập quà biếu tặng...
- + Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí:

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm:

- **Giá vốn hàng bán:**

Là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ giá vốn bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí bán hàng:**

Là toàn bộ chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển, chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng. Các chi phí bằng tiền khác...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Là chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, các khoản thuế, phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí hoạt động tài chính:**

Là toàn bộ các chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các vấn đề về vốn, hoạt động đầu tư tài chính, các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay vốn kinh doanh các khoản dài hạn, ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí mua bán ngoại tệ, chi phí về cho thuê tài sản, thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác...

- **Chi phí khác:**

Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra. Cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ năm trước. Nội dung của các khoản chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán nhầm lẫn hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

1.1.2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu với các khoản chi phí trong một kỳ nhất định. Kết quả kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Kết quả hoạt động đầu tư tài chính: Là chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Lợi nhuận trước thuế: Là tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi đơn đốc các khoản phải thu.

- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định đúng kết quả kinh doanh để cung cấp số liệu cho các bên liên quan, thu hút vốn đầu tư cho doanh nghiệp, giữ vững uy tín cho doanh nghiệp trong mối quan hệ bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- ***Chứng từ sử dụng:***

- + Hóa đơn giá trị gia tăng.

- + Hợp đồng mua bán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, giấy báo có,...

+ Phiếu nhập, phiếu xuất, thẻ kho,...

• **Tài khoản sử dụng:**

+ **Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa.

- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.

- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

- TK 5114: Doanh thu trợ cấp trợ giá.

- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

- TK 5118: Doanh thu khác.

+ **Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911.

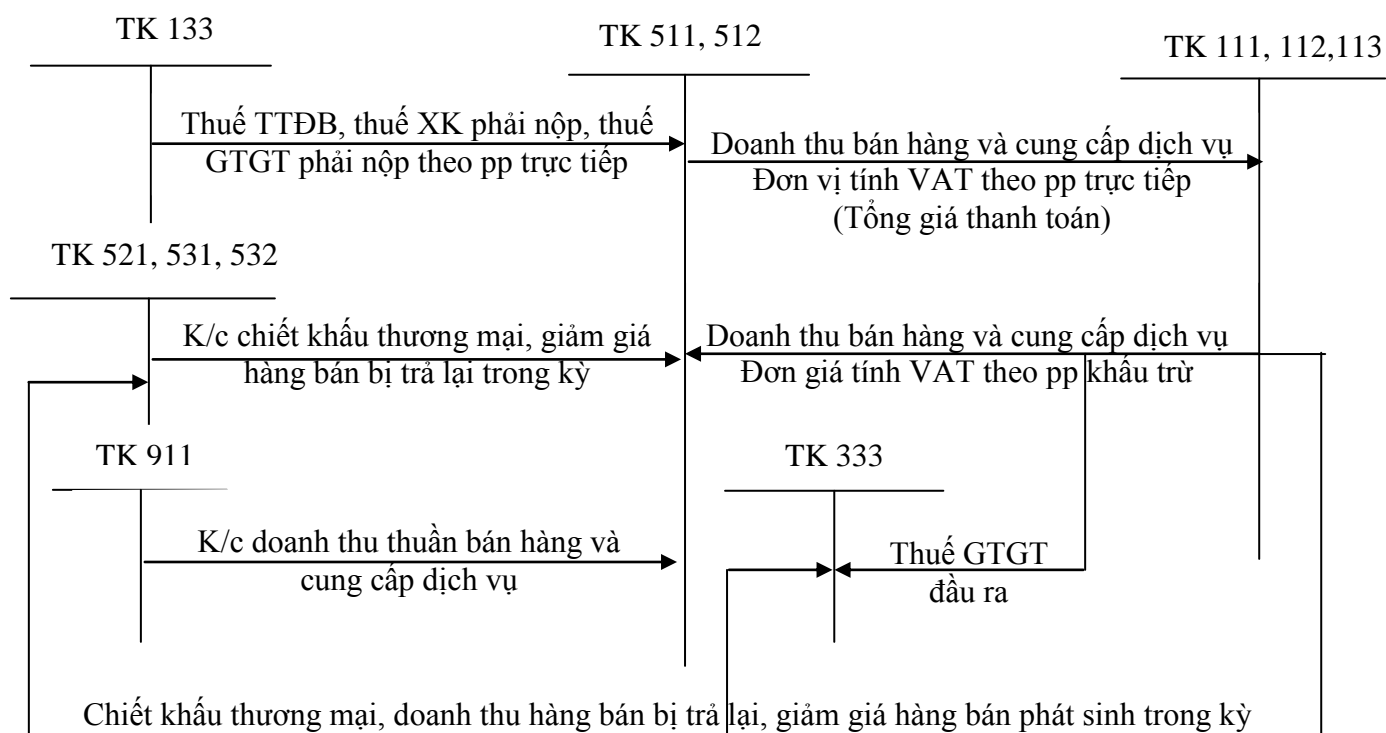
Bên có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. TK 512 có ba tài khoản cấp 2:
- TK 5121 :Doanh thu bán hàng hóa.
 - TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm.
 - TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

• **Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:**

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ.



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

• **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn giá trị gia tăng.
- + Hợp đồng mua bán.
- + Các chứng từ thanh toán: phiếu chi, ủy nhiệm chi,...
- + Các chứng từ khác liên quan: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại,...

• **Tài khoản sử dụng:**

+ **Tài khoản 521: chiết khấu thương mại.**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại do doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có:

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư.

+ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại.**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Bên nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

Bên có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc vào tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ **Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán.**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

+ **Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.**

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Bên nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước.
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại.

Bên có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tài khoản 333 có số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2. Một số tài khoản cấp 2 của tài khoản 333 như sau:

TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt

TK 3333: Thuế xuất, nhập khẩu

TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

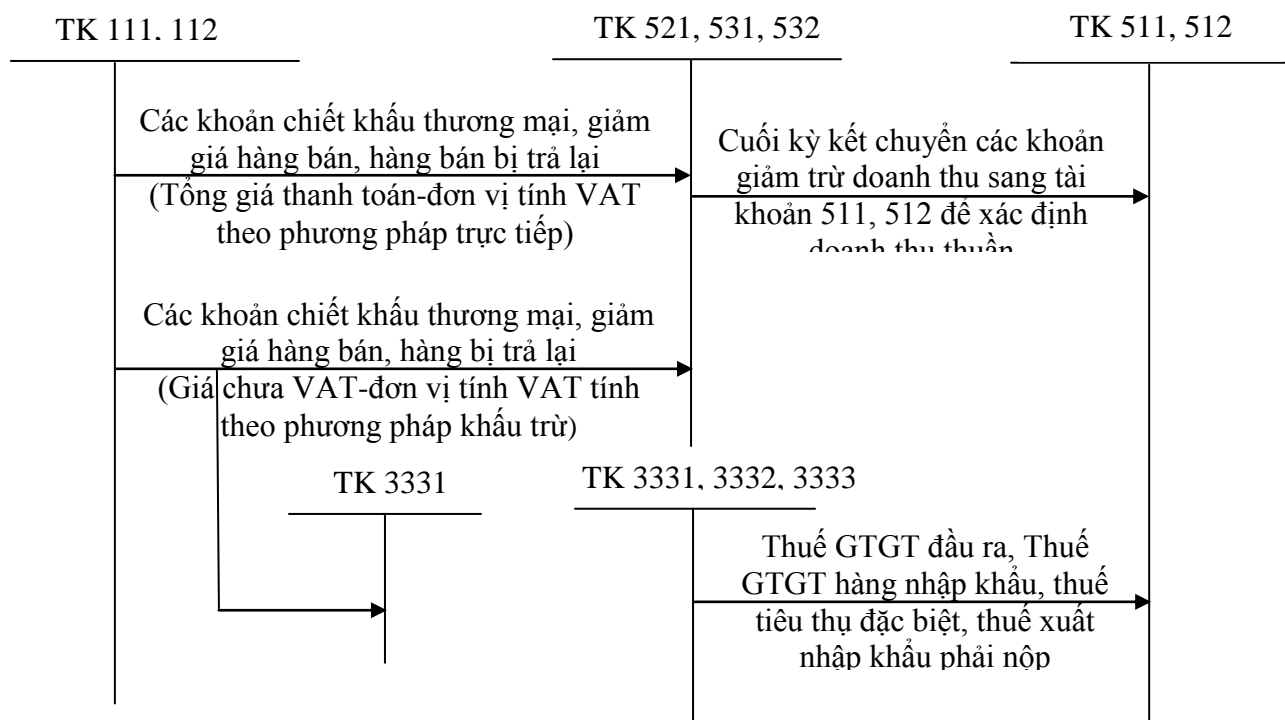
TK 3335: Thuế thu nhập cá nhân

.....

- **Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:**

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

- **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT.
- + Phiếu xuất kho.
- + Hợp đồng kinh tế.
- + Các chứng từ khác liên quan.

- **Tài khoản sử dụng:**

a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ **Tài khoản 632: giá vốn hàng bán.**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng xuất bán đã được chấp nhận thanh toán hoặc đã được thanh toán và kết chuyển trị giá vốn sang TK 911.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bên nợ:

- Giá vốn hàng đã bán.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên có:

- Kết chuyển giá vốn hàng bán của hàng đã gửi bán nhưng chưa xác định là đã tiêu thụ.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá bán hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ tài khoản 911.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Các tài khoản khác có liên quan: 155, 156, 157, 159, 911.

b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

+ **Tài khoản 611: Mua hàng**

Tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ.

Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6111: Mua nguyên vật liệu.
- TK 6112: Mua hàng hóa.

+ **Tài khoản 631: Giá thành sản xuất.**

• ***Việc tính giá hàng tồn kho được áp dụng một trong các phương pháp sau:***

a. Phương pháp giá thực tế đích danh:

Trị giá hàng xuất kho được xác định trên giả định khi xuất kho vật tư, hàng hóa thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập hàng hóa, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của đơn đó.

b. Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng hóa xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của hàng} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn giá bình quân có thể được tính theo một trong hai cách sau:

- Giá đơn bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ: Theo phương pháp này, cuối kỳ kế toán mới đi xác định giá bình quân từ đó mới xác định được trị giá xuất từng ngày trong kỳ.

- Giá đơn vị bình quân liên hoàn: Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập đó.

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Giá trị hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

c. Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa xuất kho được xác định trên giả định hàng nào nhập trước thì xuất trước. Lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn kho cuối cùng được xác định theo giá vật tư, hàng hóa nhập cuối cùng.

d. Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

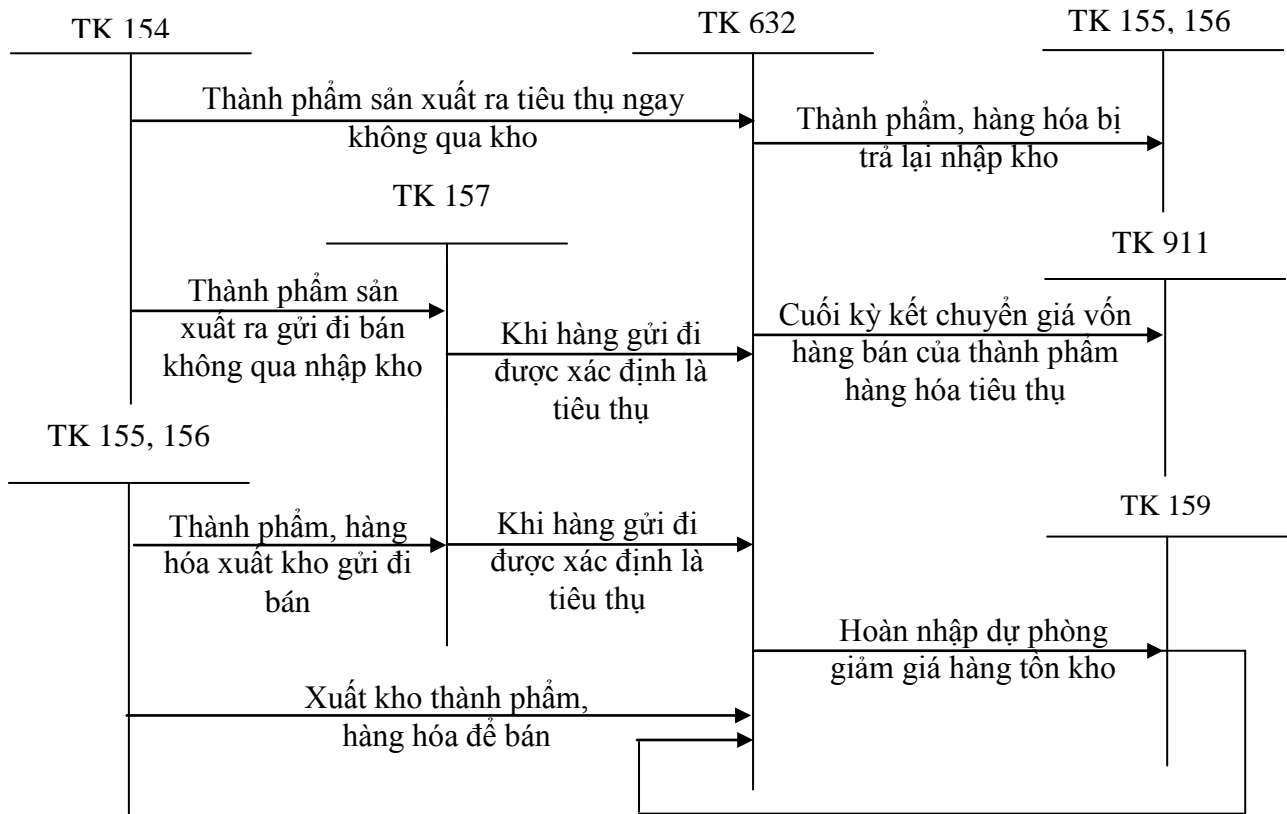
Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa xuất kho được xác định trên giả định hàng nào nhập sau xuất trước. Lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của hàng hóa những lần nhập đầu tiên.

• **Phương pháp hạch toán:**

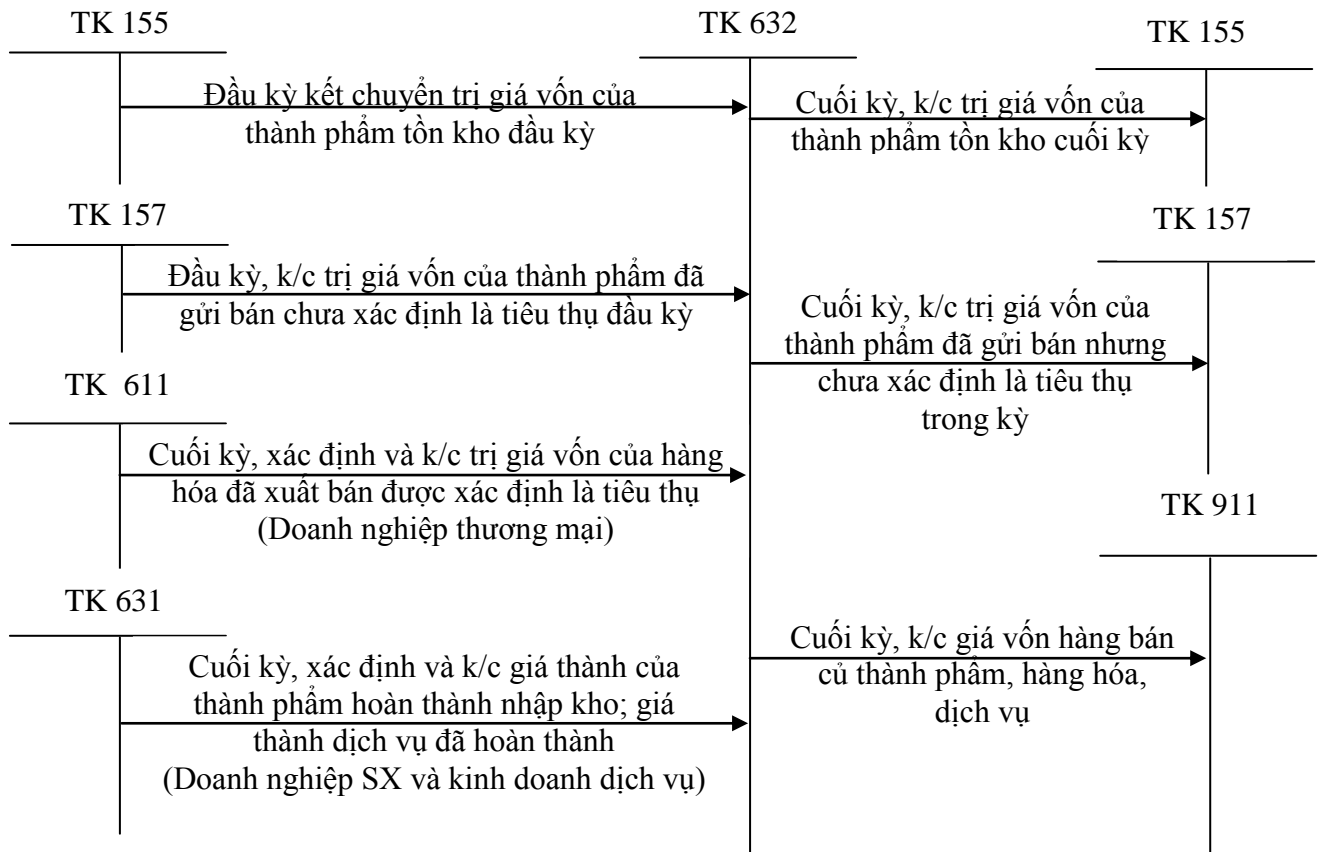
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.3 và phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.4.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

• **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho, Phiếu chi.
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.
- + Các chứng từ khác có liên quan.

• **Tài khoản sử dụng:**

- + **Tài khoản 641: Chi phí bán hàng.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ.

Bên nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Bên có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư. Gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì.
- TK 6413: Chi phí đồ dùng dụng cụ.
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

- + **Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Bên nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ. Gồm 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.

- TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì.

- TK 6413: Chi phí đồ dùng dụng cụ.

- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.

- TK 6415: Thuế, phí, lệ phí.

- TK 6426: Chi phí dự phòng.

- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

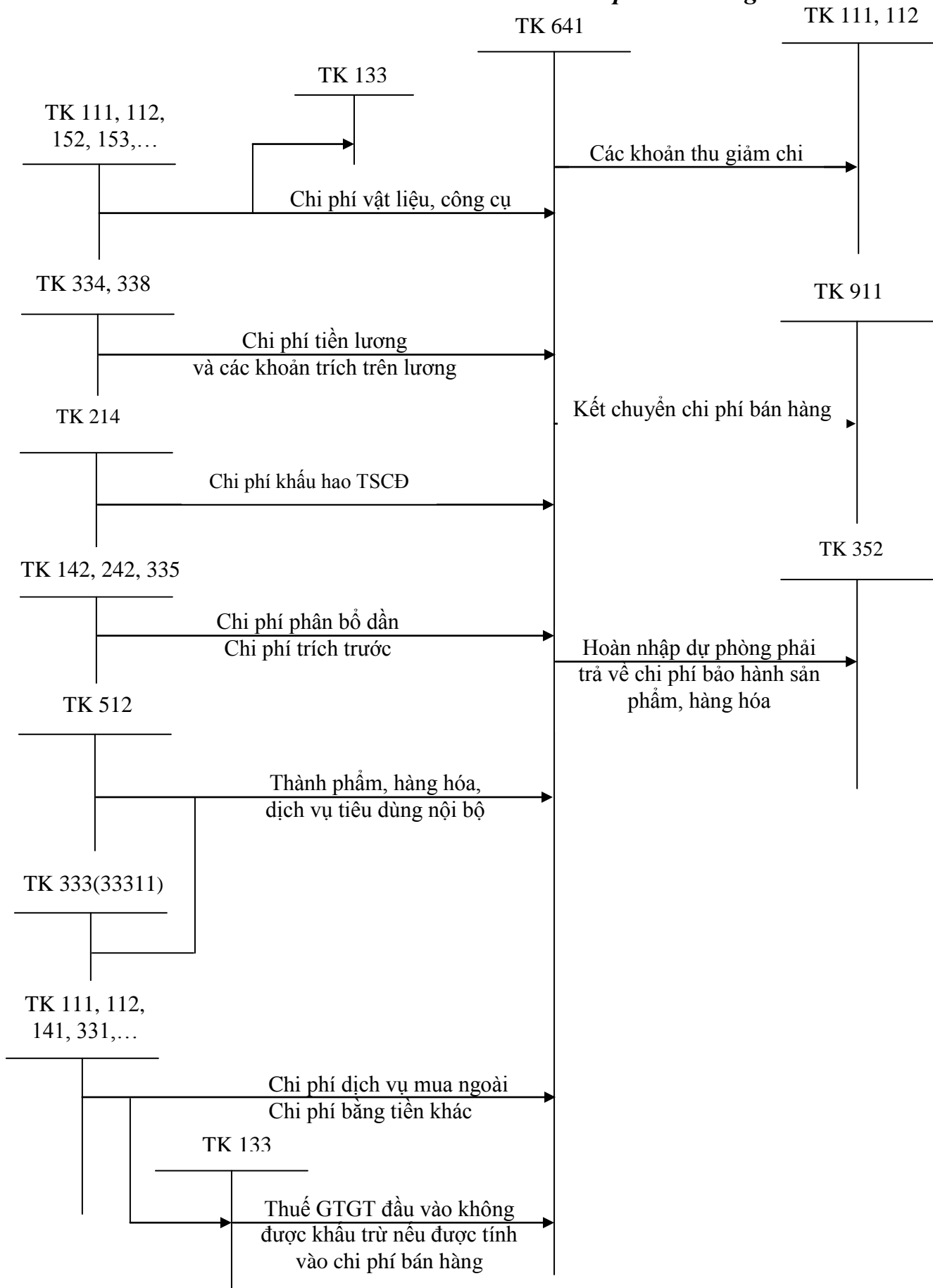
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

• ***Phương pháp hạch toán:***

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng được thể hiện qua sơ đồ 1.5 và phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.6.

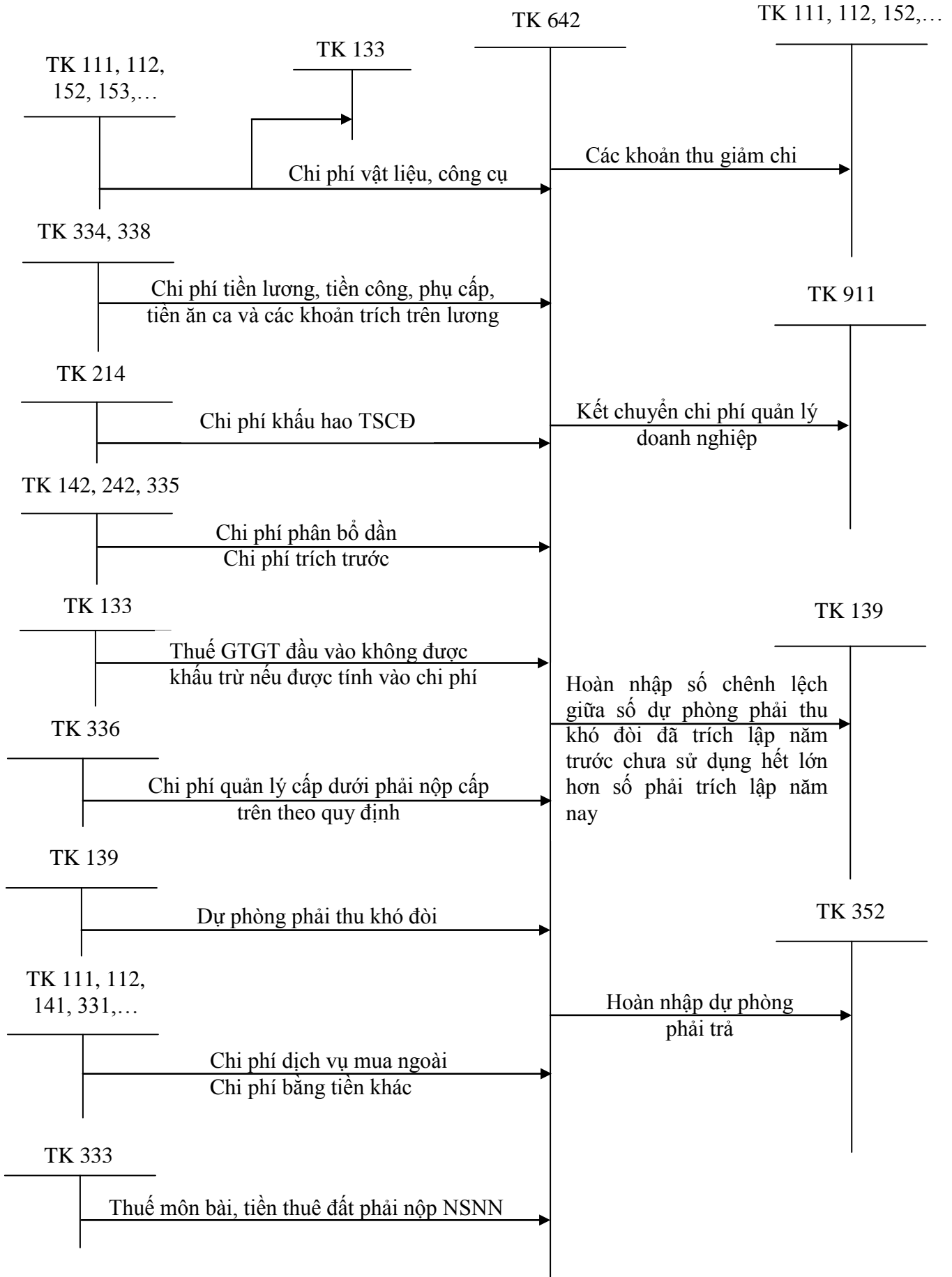
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

• **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT.
- + Các hợp đồng vay vốn.
- + Giấy báo nợ, Giấy báo có.
- + Các chứng từ khác có liên quan: phiếu chi, phiếu thu,...

• **Tài khoản sử dụng:**

+ **Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh... của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

Tài khoản 515 không có số dư.

+ **Tài khoản 635: Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Lãi bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ kinh doanh.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

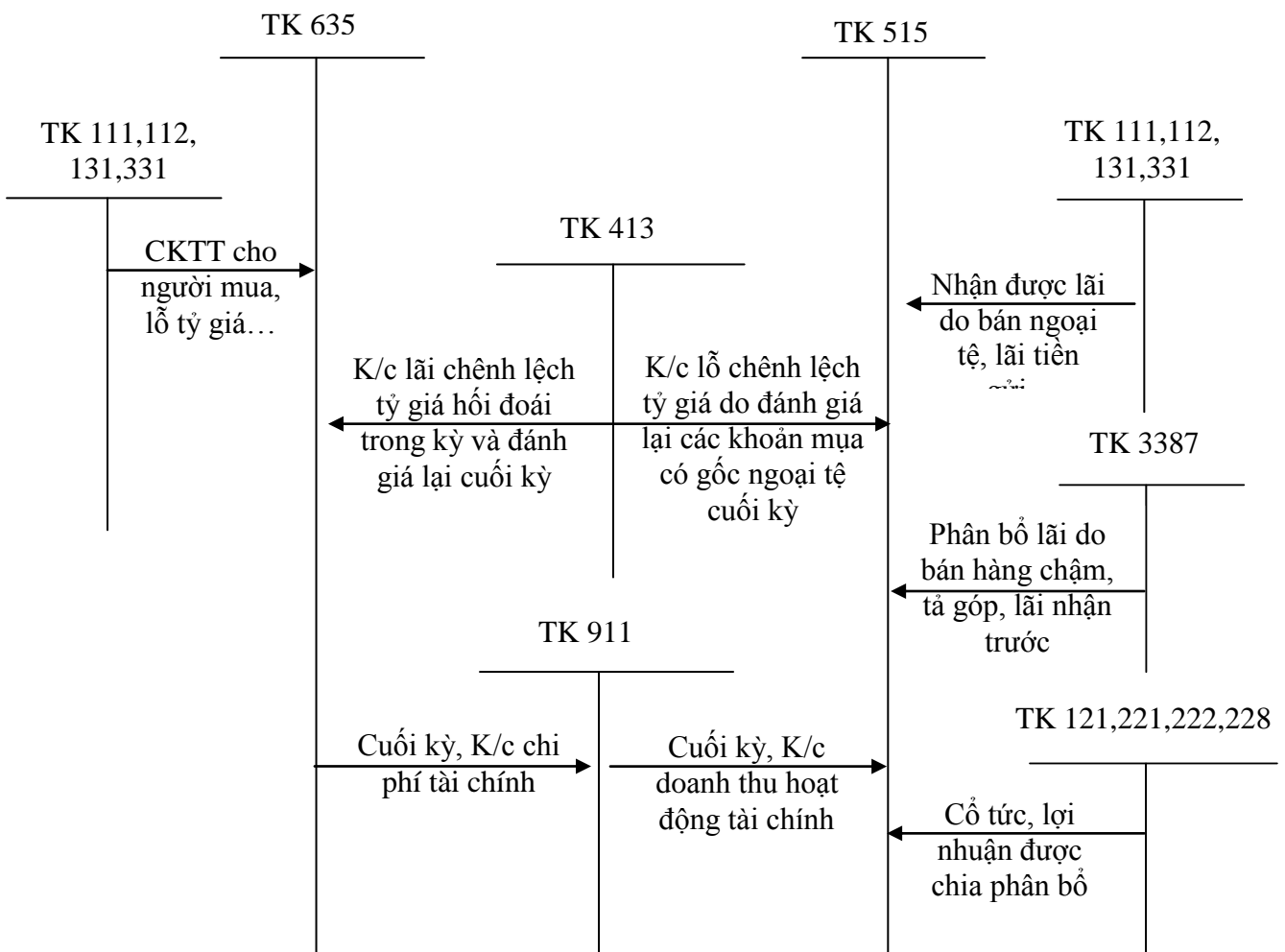
Bên có:

- Các khoản giảm chi phí tài chính.
- Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911.

• **Phương pháp hạch toán:**

Phương thức hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

• **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT.
- + Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi,...
- + Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ.
- + Hợp đồng kinh tế.

• **Tài khoản sử dụng:**

- + **Tài khoản 711: Thu nhập khác.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang tài khoản 911.

Bên có:

- Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư.

- + **Tài khoản 811: Chi phí khác.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Các chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Bên có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.

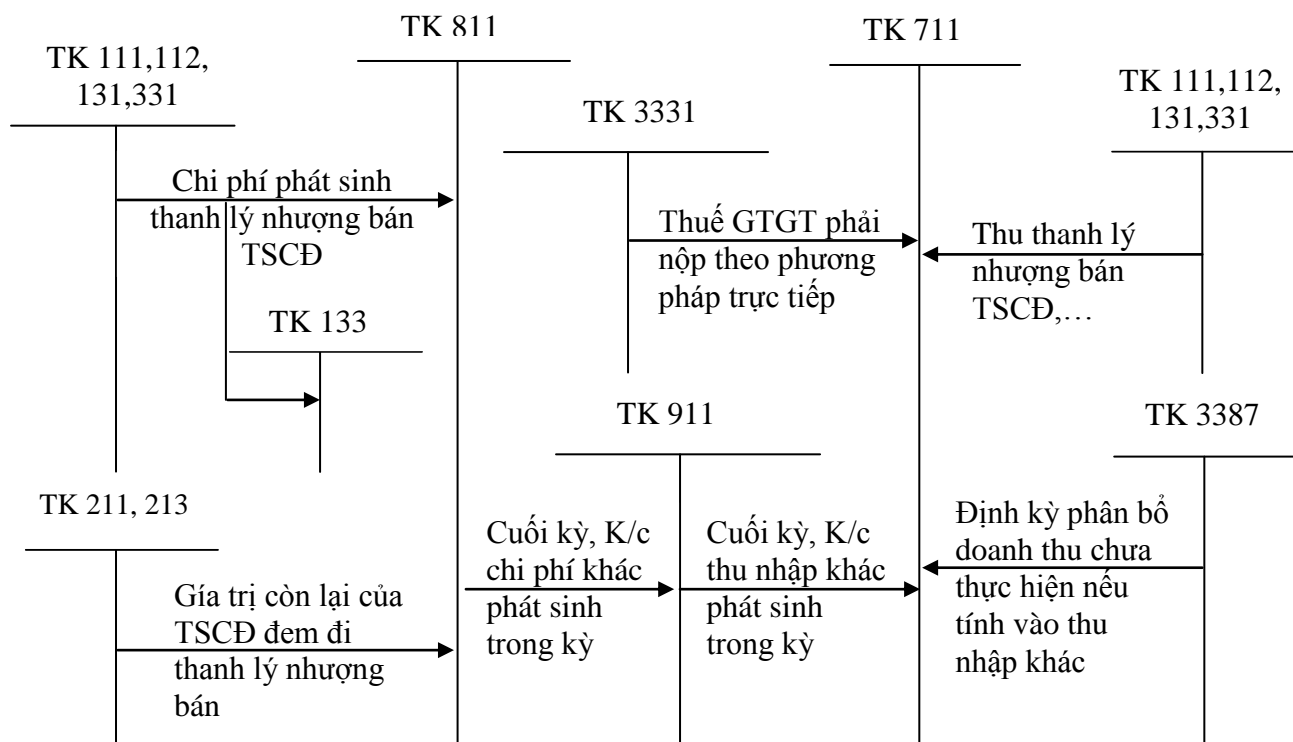
Tài khoản 811 không có số dư.

• **Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác, chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.8: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

- **Chứng từ sử dụng:**

- + Chứng từ hạch toán.

- **Tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Bên nợ:

- Trị giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

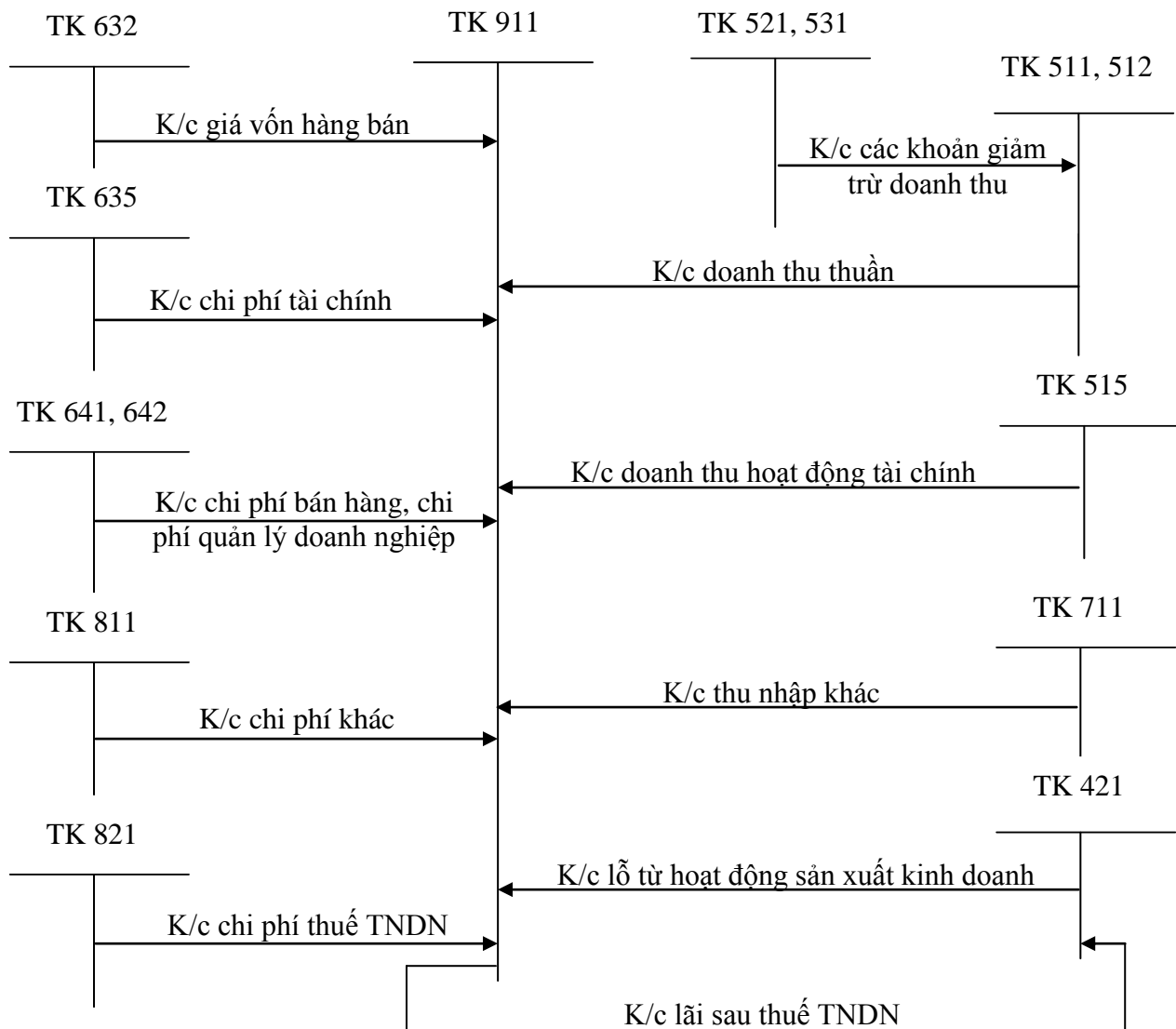
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư.

- **Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

✓ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung

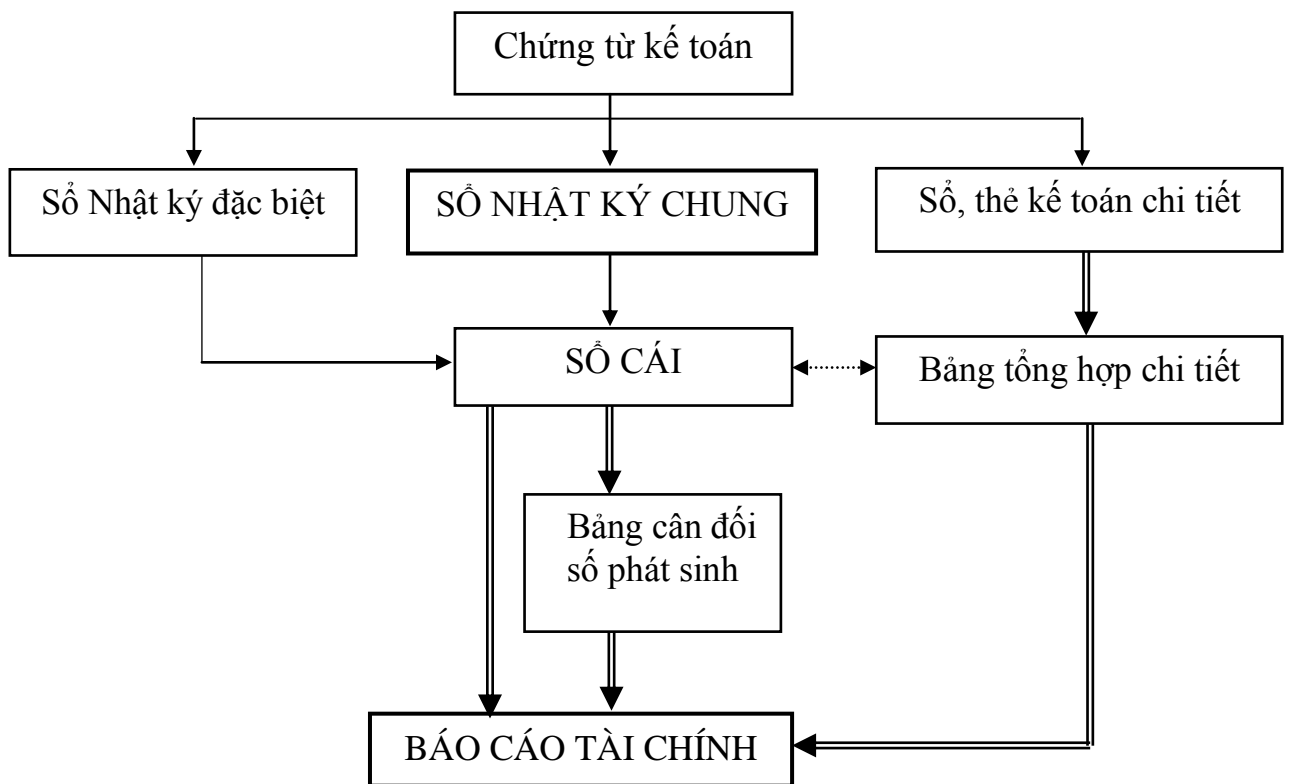
Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✓ Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ═══════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←.....→

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.

✓ Đặc trưng cơ bản:

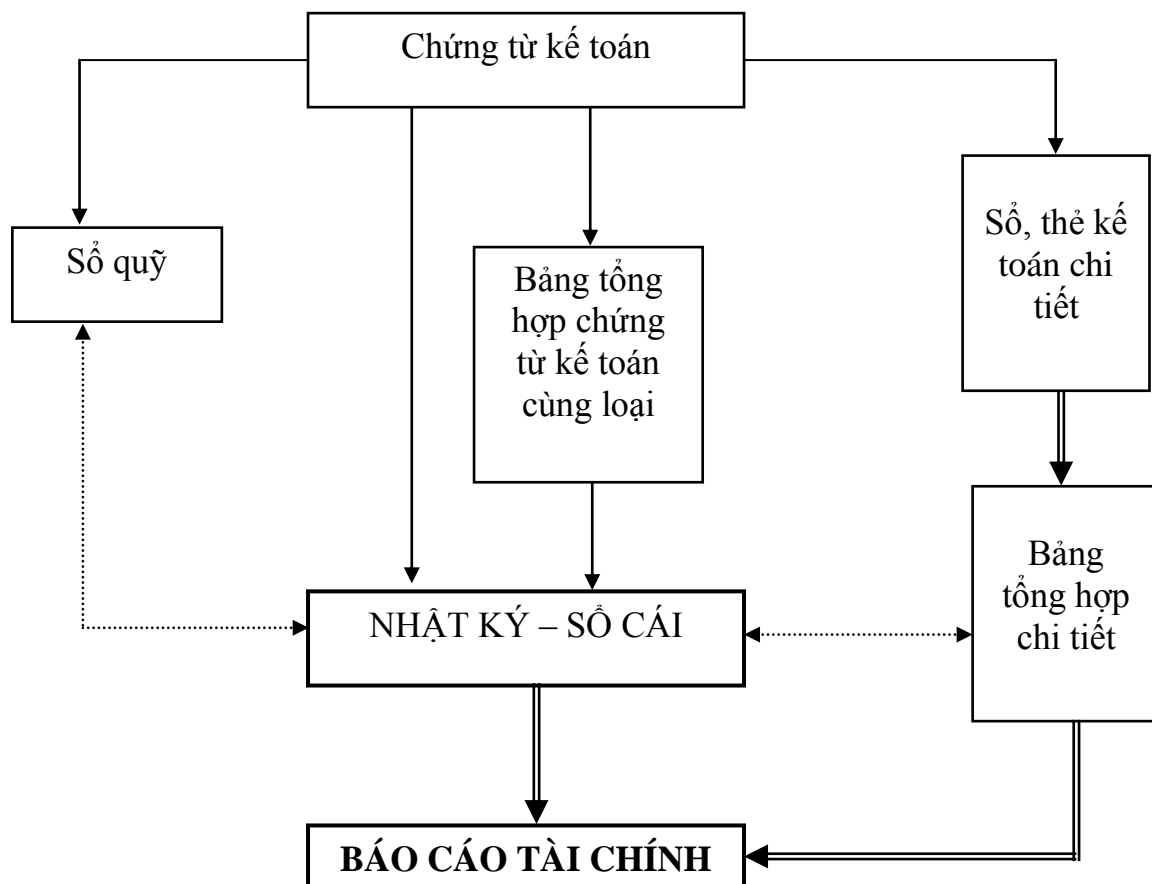
Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✓ Quy trình hạch toán được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

✓ Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

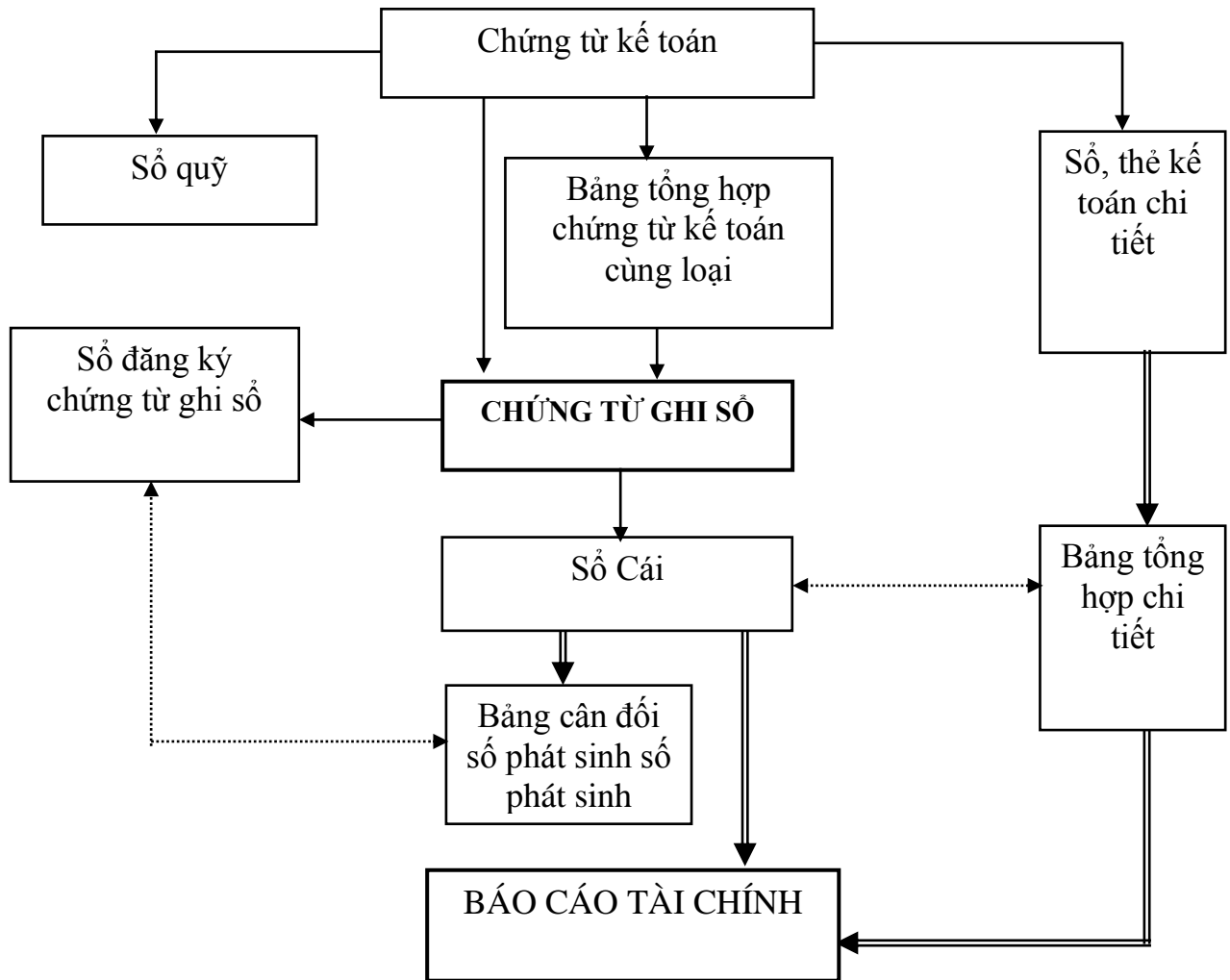
Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Quy trình hạch toán như sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.....->

1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.

✓ Đặc trưng cơ bản:

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.

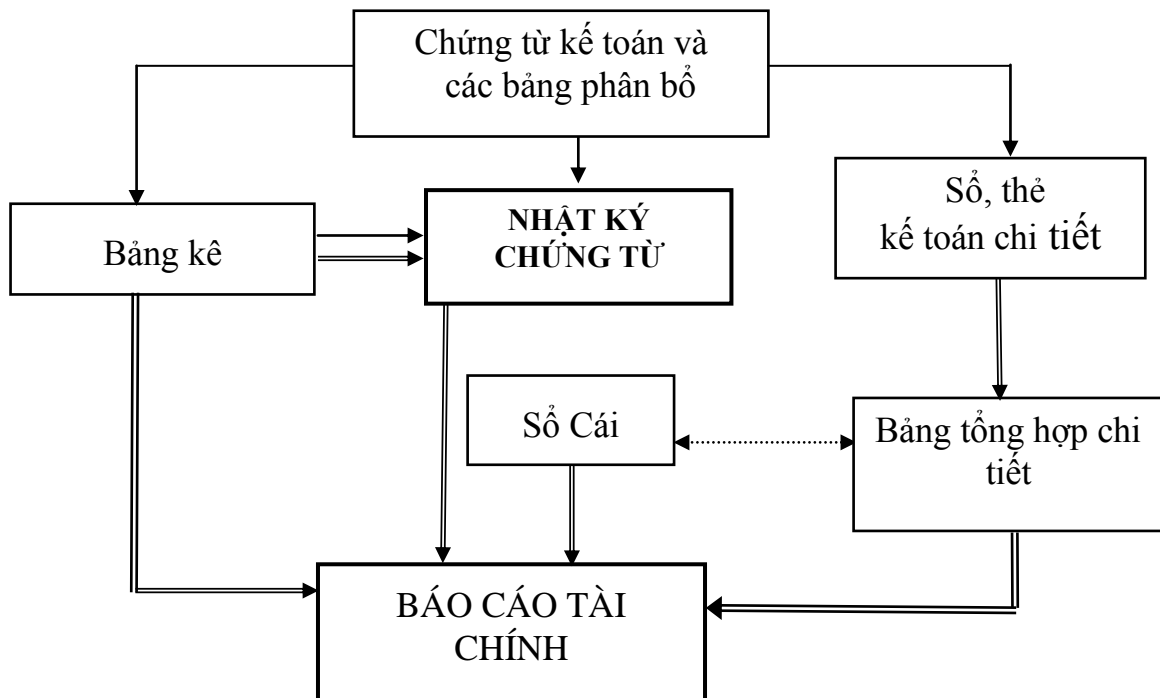
Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký chứng từ.
- Bảng kê.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✓ Quy trình hạch toán như sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

✓ Đặc trưng cơ bản:

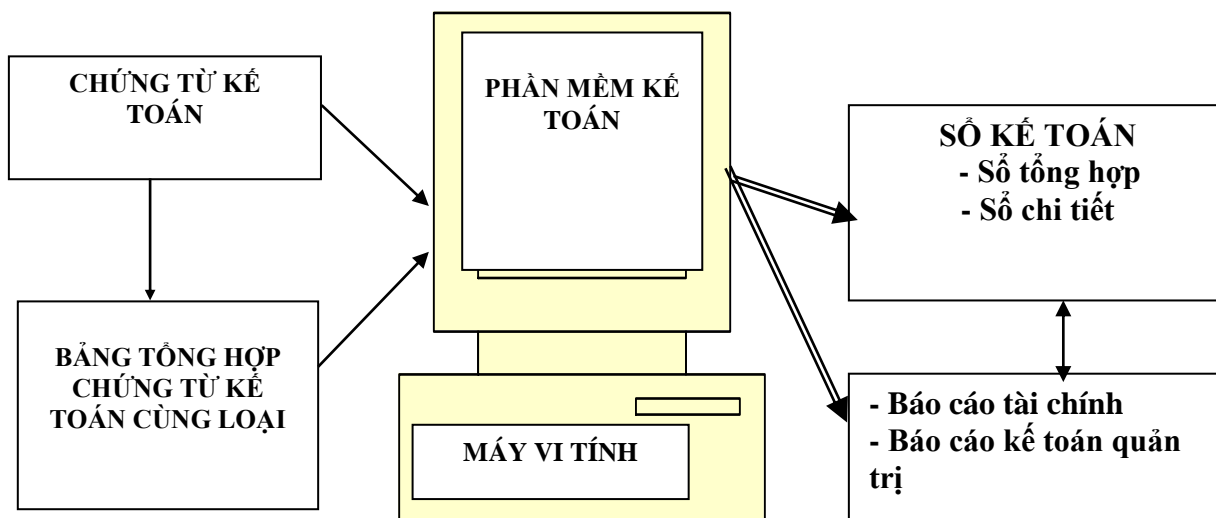
- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

✓ Quy trình hạch toán như sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOAN THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM QUÂN

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Nam Quân.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Nam Quân.

Tên công ty: Công ty TNHH Nam Quân.

Địa chỉ: Số 136 Đường 208 – An Đồng – An Dương – Hải Phòng.

Giám đốc: Đoàn Minh Hiệp

Số đăng ký kinh doanh: 0202000340

Mã số thuế: 0200430761

Điện thoại: (031)3 858647

Fax: (031)3 858371

Email: innamquan@gmail.com

Website: www.innamquan.com

Công ty TNHH Nam Quân tiền thân hình thành từ cơ sở sản xuất Hiệp Quân, ra đời vào năm 1987 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Văn hóa thông tin, với đơn vị chủ quản là Sở Văn hóa thông tin Hải Phòng. Cùng với sự phát triển và trưởng thành đầu năm 2001, cơ sở Hiệp Quân chính thức được đổi tên thành công ty TNHH Nam Quân.

Trải qua quá trình hơn 20 năm hoạt động trong ngành sản xuất kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và tiêu dùng, đặc biệt trong lĩnh vực in ấn – sản xuất bao bì công nghiệp. Công ty ngày một khẳng định được uy tín – chất lượng trên từng sản phẩm và thương hiệu của khách hàng trong nước và xuất khẩu.

Trong thời kì hội nhập phát triển để phục vụ đáp ứng nhu cầu về chất lượng – thời gian – giá thành. Công ty TNHH Nam Quân đã và đang không ngừng đầu tư phát triển về trang thiết bị công nghiệp hiện đại cũng như đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ công nhân viên, với mong muốn ngày một nâng cao được chất lượng sản phẩm, cùng khách hàng xây dựng thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tình hình kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đã có nhiều chuyển biến. Công ty đã không ngừng hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế xã hội, thực hiện đầy đủ các khoản thu ngân sách.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã có nhiều cố gắng vượt bậc để đưa Công ty ngày càng phát triển đi lên và đã đạt được những thành tựu nhất định.

*** Chức năng và nhiệm vụ của công ty, phương hướng hoạt động của công ty TNHH Nam Quân.**

_ Công ty có nhiệm vụ sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đúng chế độ hiện hành.

_ Tuân thủ hợp đồng kinh tế đã ký, đảm bảo chữ tín đối với bạn hàng.

_ Nắm bắt khả năng sản xuất kinh doanh, nhu cầu của thị trường để tổ chức sản xuất kinh doanh hợp lý.

_ Chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ nộp ngân sách nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

Với định hướng đúng đắn và mục tiêu phấn đấu vì sự phát triển chung, trong quá trình làm việc của mình Công ty đã khẳng định được vị trí, năng lực của mình trên lĩnh vực mà mình sản xuất.

Phương châm của Công ty: ***“Uy tín khởi nguồn từ chất lượng, chất lượng là sự thành công”***.

Với khả năng, kinh nghiệm và sự cố gắng hết mình, Công ty tin tưởng rằng trong tương lai sẽ đóng góp được nhiều hơn nữa công ích của mình trong sự nghiệp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*** Đặc điểm về mặt hàng.**

Sản phẩm của Công ty chủ yếu là in ấn theo yêu cầu của khách hàng, một số sản phẩm chủ yếu của Công ty là:

_ Hộp Carton, in tráng phủ màng PP, sản xuất giấy tập vở học sinh.

_ Sách văn học, chính trị và sách khác của Nhà xuất bản Hải Phòng, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin và các nhà xuất bản khác.

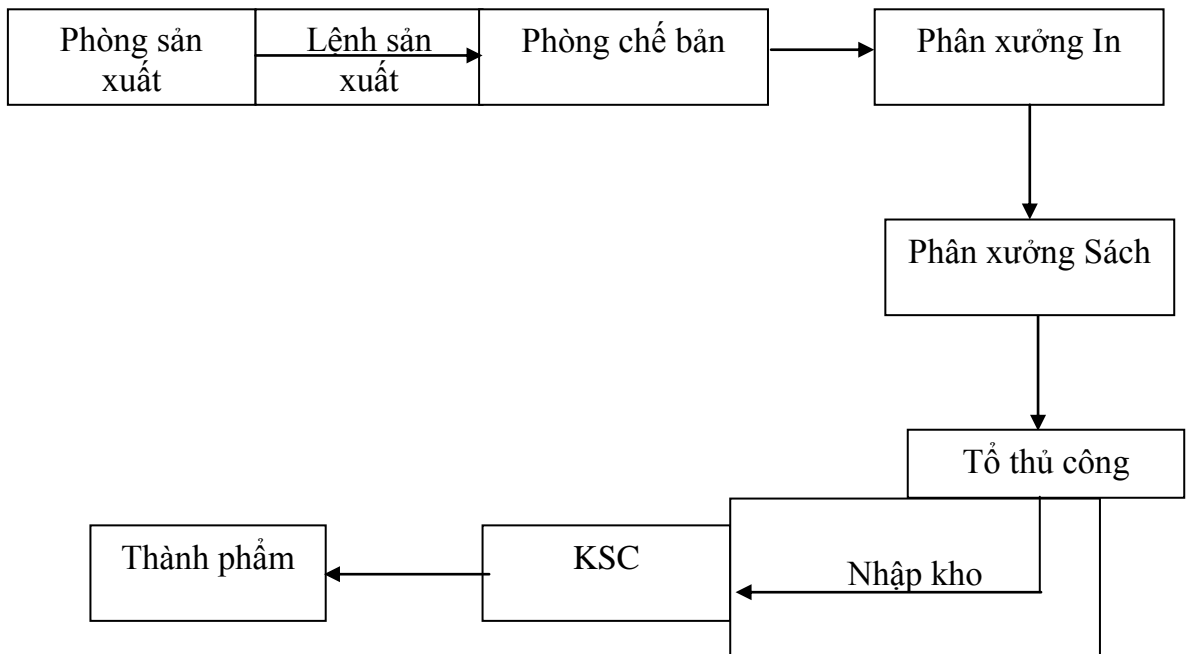
_ Blốc lịch

_ Các ấn phẩm, tem nhãn, văn hóa phẩm, sổ sách, giấy tờ quản lý kinh tế.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

* *Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất.*

Quy trình công nghệ của Công ty được thể hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của Công ty TNHH Nam Quân.

* *Những thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động.*

✓ *Thuận lợi.*

_ Công ty TNHH Nam Quân có trụ sở chính ở số 136 đường 208 – An Đông – An Dương – Hải Phòng, quy mô sản xuất vừa với những điều kiện thuận lợi về môi trường: Các phân xưởng nằm trên trục đường chính rất thuận lợi cho việc sản xuất và lưu thông hàng hóa. Hải phòng là thành phố cảng có nền công nghiệp phát triển mạnh với vị trí thuận lợi tạo điều kiện cho việc giao lưu buôn bán, thúc đẩy các mối quan hệ kinh tế, có nhiều tiềm năng thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Hải phòng cũng là thành phố có nhiều cảnh quan đẹp thu hút khách du lịch tham quan tạo mối quan hệ kinh tế các vùng, nguồn lao động dồi dào, con người Hải phòng năng động, sáng tạo, biết tìm tòi, học hỏi và phát huy cái mới, giám đương đầu với thử thách.

_ Sản xuất kinh doanh của công ty luôn luôn tuân theo luật doanh nghiệp, đúng pháp luật của nhà nước.

_ Công ty đã có một thời gian dài sản xuất kinh doanh mang tính dịch vụ nên đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng về thời gian cũng như số lượng sản phẩm yêu cầu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

_ Đã tạo được chữ tín với khách hàng.

_ Trình độ tay nghề của công nhân khá cao có thể thích ứng làm nhiều việc khác nhau.

_ Lực lượng cán bộ lãnh đạo trẻ, nhiệt tình, năng động, trình độ chuyên môn nghiệp vụ khá cao, có khả năng tìm kiếm làm việc tốt cho công ty.

✓ **Khó khăn.**

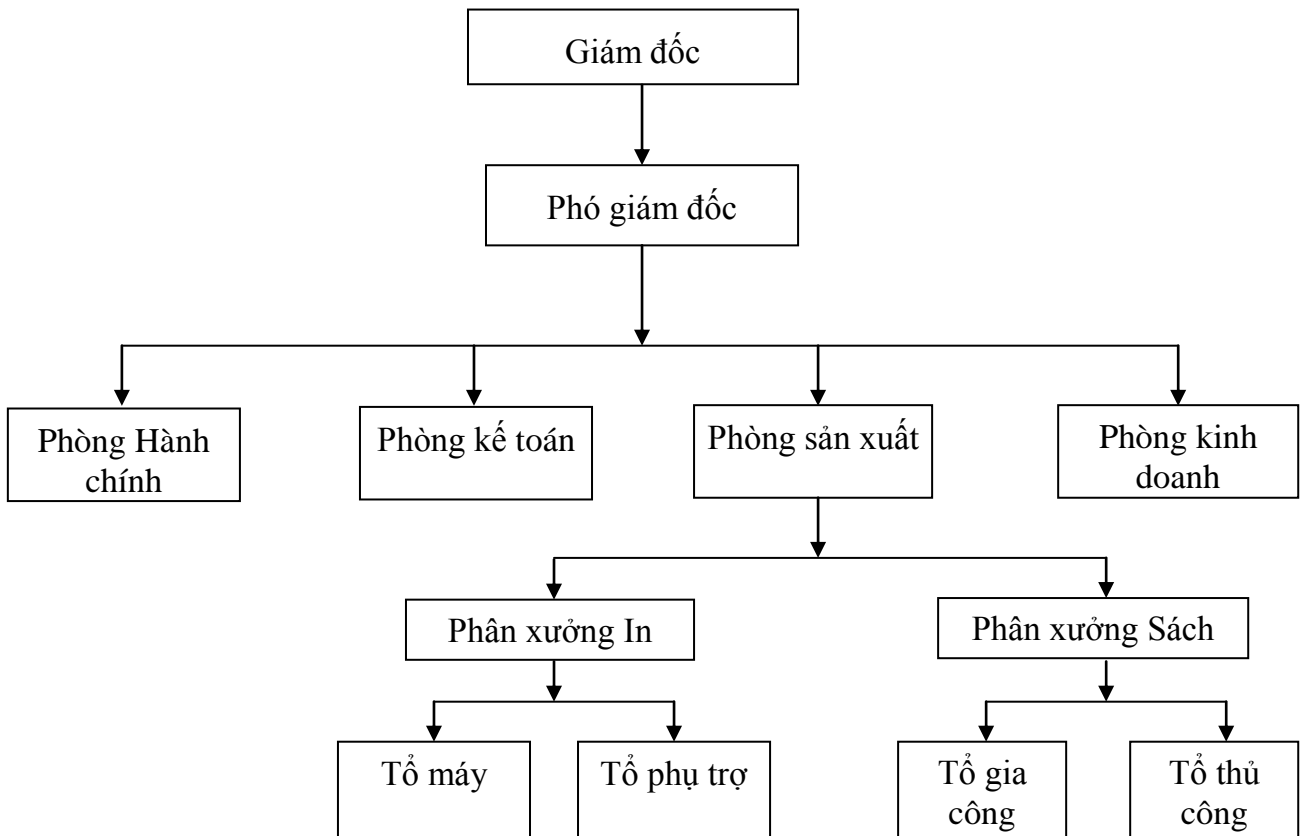
_ Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật công ty còn mỏng, thiếu cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao có thể đảm đương được vị trí quan trọng phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất kinh doanh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng.

_ Các cơ sở sản xuất bao bì và in ngày càng tăng về số lượng, nhất là các cơ sở tư nhân và các công ty trách nhiệm hữu hạn. Vì vậy, việc cạnh tranh tìm việc khó khăn.

_ Một số thiết bị của công ty đã đến thời điểm sửa chữa đại tu. Vì vậy ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất và chất lượng sản phẩm.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Nam Quân.

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Nam Quân.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Các phòng ban trong Công ty có mối quan hệ bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau trên cơ sở các chức năng, nhiệm vụ được giao để đảm bảo hoạt động kinh doanh và sản xuất có hiệu quả và quản lý tốt Công ty TNHH Nam Quân có tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình:

Đứng đầu là giám đốc – người có quyền lực cao nhất, giúp việc cho giám đốc là Phó giám đốc, kế toán trưởng và một số chuyên viên khác và dưới là một hệ thống phòng ban chức năng.

Chức năng của từng bộ phận được tóm tắt như sau:

*** Giám đốc:**

Giám đốc quyết định và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Công ty theo điều lệ Công ty, luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Giám đốc là người duy nhất ký duyệt mọi chứng từ chi tiêu phục vụ cho mọi hoạt động của Công ty và các quyết định, chứng từ, khen thưởng bằng vật chất cho người lao động, cho khách hàng.

Giám đốc ủy quyền cho Phó giám đốc điều hành công việc theo chức năng khi giám đốc vắng mặt.

*** Phó giám đốc:**

Được phân nhiệm vụ điều hành công việc thuộc trách nhiệm của mình trên cơ sở định hướng. Phó giám đốc được quyền quyết định khi Giám đốc vắng mặt và chịu trách nhiệm trước Giám đốc. Phó giám đốc ký thay Giám đốc các lệnh sản xuất, phiếu xuất hàng hoặc hóa đơn bán khi Giám đốc vắng mặt, phân công công việc cho các phòng ban, phân xưởng sản xuất. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc thực hiện nghiêm chỉnh lệnh sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ sản xuất kinh doanh do Giám đốc ủy quyền.

*** Phòng Hành chính:**

Có chức năng giúp giám đốc và ban lãnh đạo công ty thực hiện tốt công tác quản lý về nhân sự: tuyển dụng, đào tạo, xếp lương, thi đua khen thưởng, kỷ luật, bảo vệ nội bộ, sắp xếp công tác đời sống, vị trí làm việc, quan hệ đối chiếu, chăm lo bảo vệ sức khỏe cho cán bộ công nhân viên. Đảm bảo công tác văn thư, đánh máy, bí mật tài liệu, hồ sơ. Bảo vệ tài sản XHCN và an ninh trật tự xã hội trong

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

công ty và khu vực. Quản lý lao động tiền lương, định mức sản phẩm, an toàn lao động và BHXH theo chế độ chính sách Nhà nước.

* **Phòng kế toán:** Dưới sự chỉ đạo của Kế toán trưởng.

_ Chức năng: Phản ánh với giám đốc tất cả các hoạt động kinh tế trong toàn công ty. Phòng kế toán là một phòng giữ vị trí quan trọng trong việc điều hành quản lý kinh tế, thông tin kinh tế. phục vụ trực tiếp cho lãnh đạo công ty điều hành chỉ đạo sản xuất.

_ Nhiệm vụ: Tổ chức sắp xếp hợp lý, khoa học tập trung các bộ phận kế hoạch thống kê trong phòng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao về công tác kế toán tài chính.

+ Ghi chép phản ánh số liệu hiện có về tình hình vận động toàn bộ tài sản của công ty. Giám sát việc sử dụng, bảo quản tài sản của công ty, đặc biệt là các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nhà xưởng.

+ Lập kế hoạch vốn, sử dụng vốn, biện pháp tạo nguồn vốn phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Thực hiện chế độ báo cáo định kì, kịp thời phản ánh những thay đổi để lãnh đạo có biện pháp xử lý kịp thời.

+ Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định của pháp lệnh kế toán thống kê, chế độ kế toán tài chính của Nhà nước và trích nộp đầy đủ đối với nghĩa vụ ngân sách Nhà nước.

* **Phòng sản xuất:** Dưới sự chỉ đạo của Trưởng phòng sản xuất .

+ Tạo lập mối quan hệ với các nhà xuất bản, các đơn vị cơ quan, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu in ấn để khai thác công việc, ký kết hợp đồng kinh tế theo sự ủy quyền của Giám đốc Công ty. Mọi nhân viên trong phòng sản xuất chuẩn bị mọi mặt cho sản xuất, quyết định công nghệ đối với từng sản phẩm, chuẩn bị vật tư nguyên liệu đúng yêu cầu, chủng loại. Phối hợp chặt chẽ với các phân xưởng để triển khai sản xuất hàng hóa, theo dõi tiến độ nghiệm thu sản phẩm và tổ chức giao trả hàng cho khách theo yêu cầu thời gian hợp đồng, đôn đốc thu hồi vốn nhanh. Tham mưu đề xuất việc áp dụng những biện pháp kỹ thuật tiên tiến để hợp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật công nghệ để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm.

+ Công ty có phân xưởng In và phân xưởng Sách, cả hai phân xưởng sản xuất này đều có nhiệm vụ triển khai sản xuất hàng hóa theo yêu cầu của lệnh sản xuất được lập đối với từng sản phẩm, đảm bảo đủ số lượng, đạt yêu cầu chất lượng và thời gian theo hợp đồng. Nắm vững nội dung yêu cầu của từng loại sản phẩm theo lệnh sản xuất đã được đưa ra.

+ Dưới các phân xưởng là các tổ như: Tổ gia công, Tổ máy, Tổ phụ trợ. Các tổ này tiến hành sản xuất và hoàn thành sản phẩm được giao theo đúng số lượng, chất lượng và quy cách sản phẩm.

* **Phòng kinh doanh:** Thực hiện nhiệm vụ giới thiệu và bán các sổ sách, giấy tờ có liên quan tới công tác quản lý kinh tế do Công ty in theo đúng quy định về mẫu mã, màu sắc của Bộ tài chính đã quy định, nhằm phục vụ cho công tác quản lý kinh tế của các doanh nghiệp khác.

2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Nam Quân.

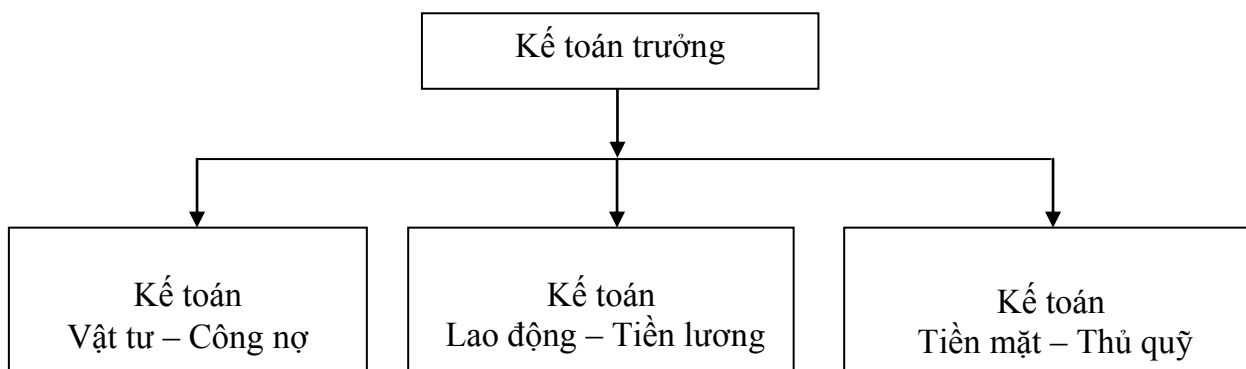
* **Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.**

Hạch toán giữ vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý kinh doanh, là công cụ hữu hiệu trong việc cung cấp thông tin về hoạt động tài chính của doanh nghiệp, giúp lãnh đạo doanh nghiệp điều hành, giám sát, quản lý đạt hiệu quả cao các hoạt động kinh tế tài chính trong đơn vị cơ sở nói riêng và trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung.

Bộ máy Kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, nghĩa là phòng tài vụ của Công ty cũng là phòng Kế toán trung tâm thực hiện toàn bộ công tác Kế toán Tài chính của Công ty từ xử lý chứng từ, ghi sổ Kế toán tổng hợp, sổ Kế toán chi tiết đến việc lập báo cáo kế toán. Đồng thời hướng dẫn kiểm tra bộ phận thống kê trong Công ty thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ kinh tế tài chính do Nhà nước quy định.

Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Mô hình bộ máy kế toán tại công ty



Cơ cấu và chức năng của từng nhân viên trong phòng kế toán:

_ **Kế toán trưởng:** là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty.

Nhiệm vụ:

+ Tổ chức bộ máy gọn nhẹ, khoa học, hợp lý phù hợp với quy mô phát triển của công ty và theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

+ Phân công lao động kế toán hợp lý, hướng dẫn toàn bộ công việc kế toán trong phòng kế toán, đảm bảo cho từng bộ phận kế toán, từng nhân viên kế toán phát huy được khả năng chuyên môn, tạo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận kế toán có liên quan, góp phần thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của kế toán cung cấp theo thông tin chính xác, kịp thời để phục vụ cho việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Chịu trách nhiệm lập và nộp đúng hạn báo cáo quyết toán thống kê với chất lượng cao. Tổ chức bảo quản giữ tài liệu chứng từ, giữ bí mật các số liệu thuộc quy định của Nhà nước.

_ **Kế toán lao động – tiền lương:**

Kiểm tra việc tính lương của Công ty theo đúng phương pháp và thời gian làm việc thực tế. Theo dõi và trả lương cho bộ phận lao động gián tiếp tại Công ty, theo dõi các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng chế độ cũng như việc thanh toán các khoản trợ cấp, bảo hiểm xã hội cho người lao động trong Công ty.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

_ Kế toán công nợ - vật tư:

Theo dõi và hạch toán việc nhập xuất, sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Tiến hành theo dõi các khoản công nợ của Công ty, để đảm bảo sao cho có thể thu hồi vốn một cách nhanh nhất và thanh toán cho chủ nợ một cách tốt nhất, tạo điều kiện cho việc quay vòng vốn nhanh.

_ Kế toán tiền mặt – thủ quỹ:

Theo dõi và hạch toán kế toán vốn bằng tiền, tài sản cố định, tài sản lưu động, nguồn vốn và các quỹ Công ty, theo dõi chi phí và các khoản công nợ nội bộ, thanh toán với ngân sách Nhà nước và phân phối lợi nhuận.

Thủ quỹ: Có nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt.

+ Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong kết phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ. Thủ quỹ phải có trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền mặt.

+ Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt từ tài khoản ngân hàng về nhập quỹ.

**** Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH Nam Quân.***

Công ty TNHH Nam Quân là công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động trong lĩnh vực in ấn, sản xuất bao bì sản phẩm và chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp. Do vậy, công tác kế toán ở công ty đã áp dụng chế độ chứng từ kế toán và sử dụng thống nhất hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính

+ Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo báo gồm:

-Báo cáo quyết toán thuế (thuế TNDN, thuế GTGT)

-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

-Bảng cân đối kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Nơi nộp báo cáo:

- Cơ quan thuế và Cơ quan cấp trên.

+ Phương pháp tính thuế GTGT: sử dụng phương pháp khấu trừ.

$$\text{Số thuế phải nộp} = \frac{\text{Số thuế GTGT}}{\text{đầu ra}} - \frac{\text{Số thuế GTGT đầu vào}}{\text{được khấu trừ}}$$

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

+ Phương pháp xác định giá trị nguyên vật liệu xuất: tính giá vật liệu xuất theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.1.4. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán.

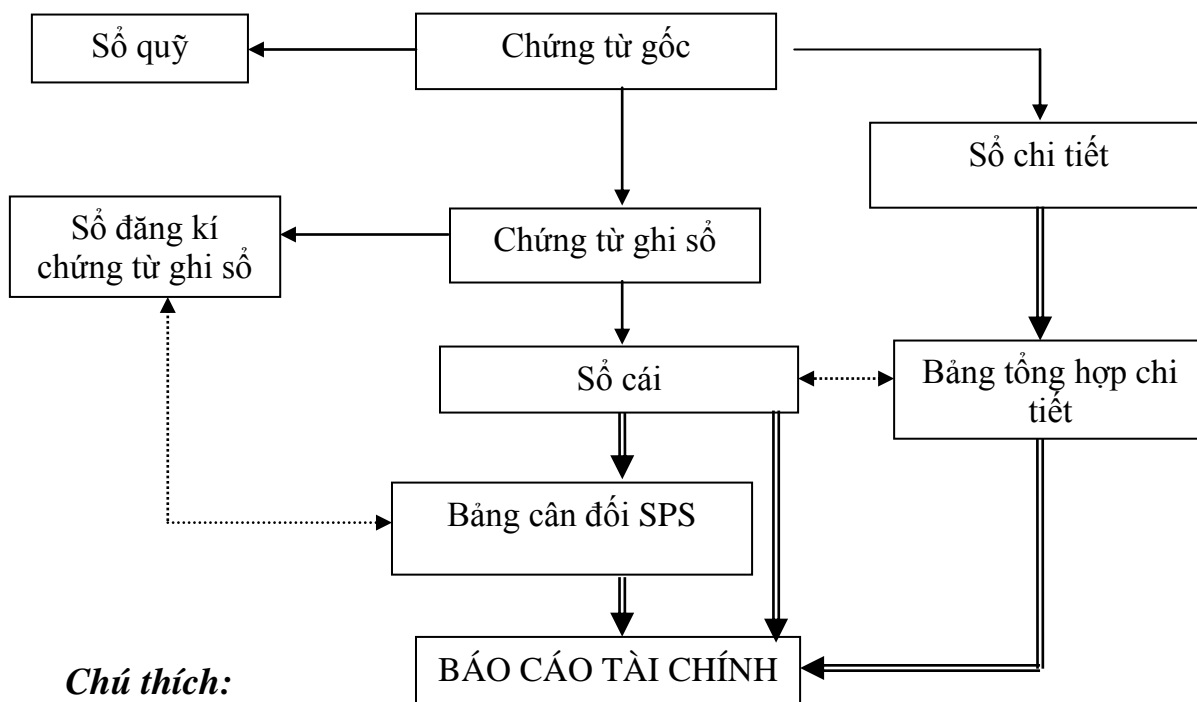
Công tác kế toán tại công ty TNHH Nam Quân được thực hiện trên phần mềm kế toán.

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán **“chứng từ ghi sổ”**. Theo hình thức này, hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán lập bảng kê chi tiết từng tháng, cuối tháng căn cứ vào bảng kê chi tiết vào chứng từ ghi sổ, sổ kế toán chi tiết có liên quan. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào **“Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ”**, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Cuối năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với bảng cân đối tài khoản, số liệu ghi trên bảng cân đối tài khoản với bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ kế toán chi tiết), được dùng để lập báo cáo tài chính.

Các loại sổ sách sử dụng: Sổ quỹ, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, sổ cái.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ được thực hiện theo mô hình sau:



2.1.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

* Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

* Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

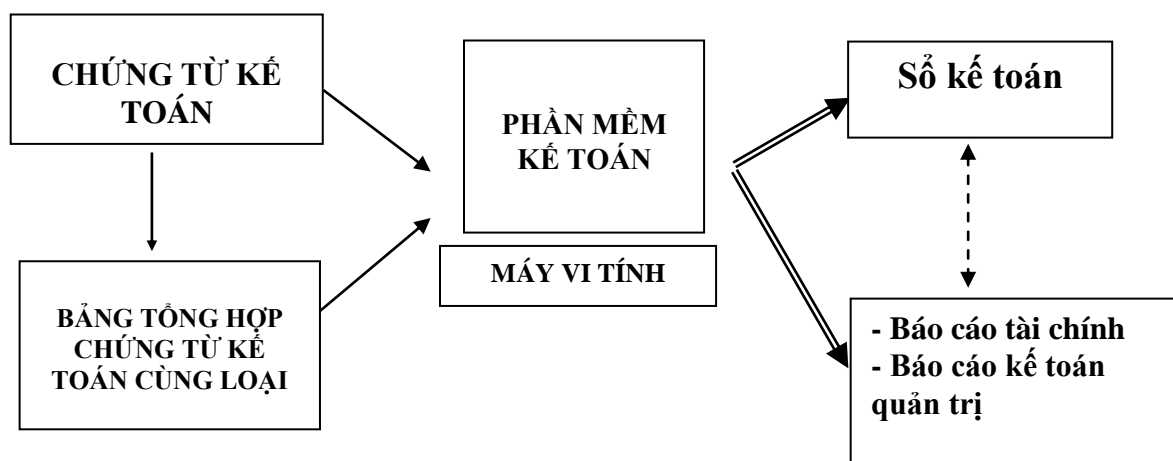
- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

- Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

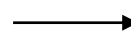
- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

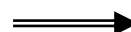


Ghi chú:

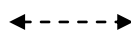
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Quân.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Nam Quân.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Nam Quân doanh thu chủ yếu là doanh thu của các đơn đặt hàng sản xuất như thùng carton, xô y bạ, thiệp cưới,...

2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng:

- **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT.

- + Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo nợ, giấy báo có,....

- + Các chứng từ liên quan khác: phiếu xuất,...

- **Tài khoản sử dụng:**

- + Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Công ty TNHH Nam Quân hoạt động kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ sản xuất. Vì vậy, có sử dụng 1 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm.

- + Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 333.

2.2.1.2. Trình tự hạch toán:

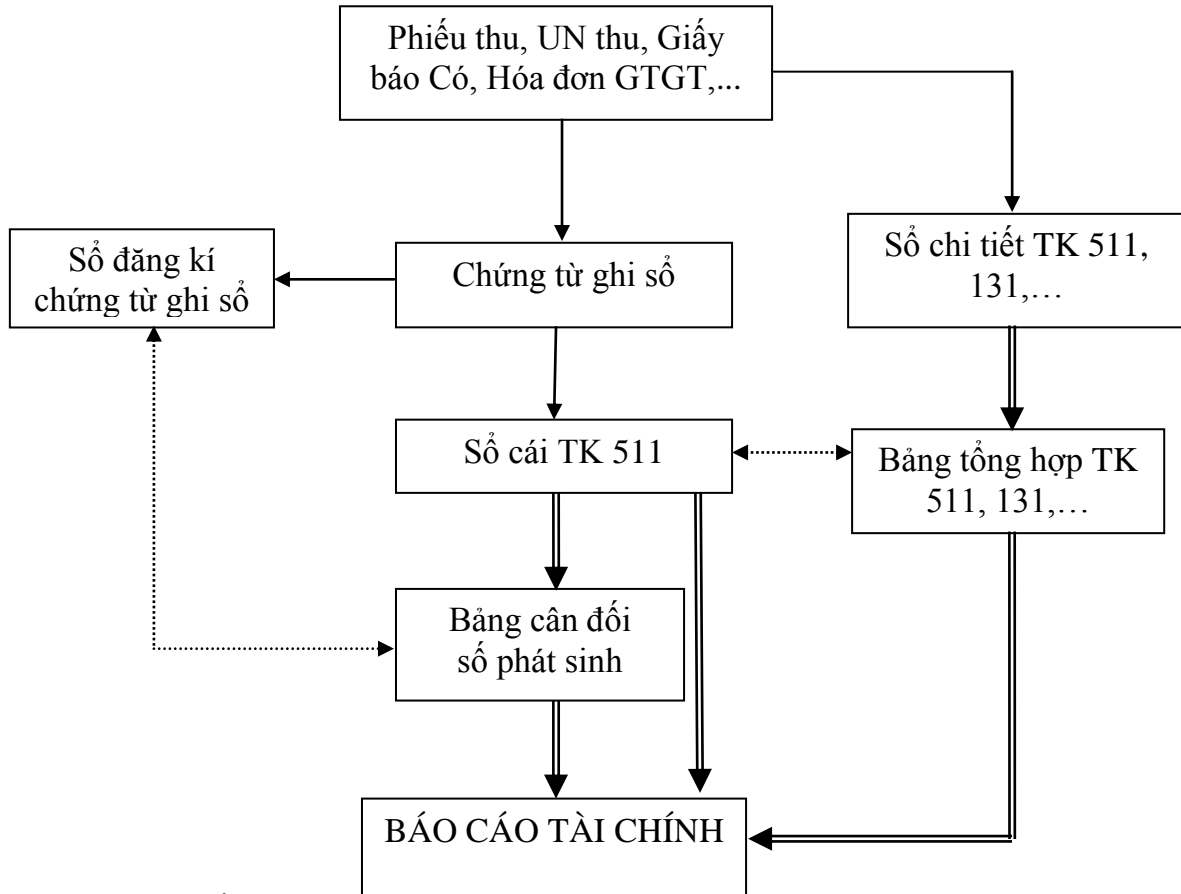
- Hàng ngày căn cứ vào Hóa đơn GTGT, kế toán lập phiếu thu, phiếu chi. Sau đó kế toán tiến hành lập chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Cuối tháng từ chứng từ ghi sổ kế toán lập sổ cái các tài khoản.

- Cuối quý kế toán đối chiếu sổ cái và các chứng từ liên quan để lập bảng cân đối tài khoản và báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Nam Quân theo sơ đồ 2.2.1 sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.2.1 : Quy trình hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Ví dụ: Ngày 08/12/2010, Công ty TNHH Nam Quân bán 5082 cái hộp mắ Cao Đam (2 chai x 50 ml) cho Công ty CP chế biến dịch vụ Thủy Sản Cát Hải.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 131: 20.341.200

Có TK 511: 18.492.000

CóTK 3331: 1.849.200

Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán tiến hành các công việc như sau:

+ Căn cứ các Hóa đơn số 0094219 kế toán lập các chứng từ ghi sổ, đồng thời vào sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và sổ chi tiết các tài khoản.

+ Từ các chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành lập sổ cái TK 511, TK 131, TK 333.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Cuối mỗi kỳ kế toán tổng hợp sổ sách liên quan đến TK 511, TK 131, TK 333 để lập bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và bảng báo cáo kế toán.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 27 tháng 12 năm 2010	Mẫu số :01 GTKT-3LL BK/2010B 0094225														
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Nam Quân Địa chỉ: 208 An Đông – An Dương – Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại:..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>		0	2	0	0	4	3	0	7	6	1				
0	2	0	0	4	3	0	7	6	1						
Họ tên người mua hàng: Đơn vị : Công ty TNHH Vân Long Địa chỉ: An Từ - Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán:MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>		0	2	0	0	3	6	7	1	0	0				
0	2	0	0	3	6	7	1	0	0						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	B	1	2	3 = 1x2										
01	Thùng carton 5 lớp	cái	2.010	9.200	18.492.000										
Cộng tiền hàng					18.492.000										
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.849.200										
Tổng cộng tiền thanh toán					20.341.200										
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi triệu ba trăm bốn mươi một nghìn hai trăm đồng chẵn.															
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)											
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)															

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

Chứng từ ghi sổ

Số : 365

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thùng carton 5 lớp	131	511	18.492.000	
CỘNG	x	x	18.492.000	x

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

Chứng từ ghi sổ

Số : 366

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Thùng carton 5 lớp	131	3331	1.849.200	
CỘNG	x	x	1.849.200	x

Kèm theo 01 chứng từ gốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02b-DN

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
322	07/12	70.000.000
323	07/12	52.000.000
324	08/12	16.770.600
325	08/12	1.677.060
...
340	17/12	332.838.000
341	18/12	85.000.000
342	18/12	15.000.000
343	18/12	75.570.000
...
365	27/12	18.492.000
366	27/12	1.849.200
...
371	28/12	36.948.838
372	28/12	31.637.500
373	29/12	65.487.234
374	29/12	12.830.000
375	29/12	4.407.734
...
Cộng tháng 12		7.839.949.022

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02c1-DN

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu :511

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
.....
			Quý IV/2010			
20/10	267	20/10	Sổ y bạ	131		5.167.500
.....
08/12	324	08/12	Hộp mắ m Cao Đạ m (2 chai x 50ml)	111		16.770.600
.....
27/12	365	27/12	Thùng carton 5 lớp	112		18.492.000
31/12	389	31/12	K/c doanh thu bán hàng	911	450.827.983	
			Cộng phát sinh tháng	x	450.827.983	450.827.983
			Cộng lũy kế năm		1.232.360.448	1.232.360.448

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02c1-DN

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Phải thu khách hàng

Số hiệu :131

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
.....
			Dư đầu tháng 12			34.203.183
			Số phát sinh trong tháng			
.....
09/12	327	09/12	Công ty Hải Long trả tiền	111		66.000.000
.....
27/12	365	27/12	Công ty TNHH Vân Long mua hàng	511	18.492.000	
				3331	1.849.200	
.....
			Cộng phát sinh tháng	x	492.283.103	792.667.618
			Số dư cuối tháng	x		334.587.698

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

Mẫu số: S31-DN

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho tài khoản 131, 331)

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH Vân Long

Tháng 12 năm 2010

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn được chiết khấu	Số hiệu TKĐƯ	Tổng số tiền		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng						
			Số phát sinh trong tháng						
27/12	HĐGTGT94225	27/12	Mua thùng carton chưa thanh toán		511	18.492.000		18.492.000	
					3331	1.849.200		20.341.200	
			Cộng phát sinh			20.341.200			
			Số dư cuối tháng					20.341.200	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

Mẫu số: S11-DN

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006

của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Tháng 12 năm 2010

STT	Tên khách hàng (Đối tượng)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Vân Long			20.341.200		20.341.200	
2	Công ty Hải Long		10.000.000	80.135.000	90.135.000	-	
3	Công ty TNHH Hải Hà			2.630.000	84.946.000		82.316.000
...
16	Công ty dệt may HAPACO		8.112.500	20.196.000	20.196.000		8.112.500
...
	Cộng		34.203.183	492.283.103	792.667.618		334.587.698

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Nam Quân.

Khi bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán căn cứ vào hóa đơn để xác định doanh thu, đồng thời kế toán chi phí sản xuất, giá thành.

2.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng:

- **Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu xuất kho.
- + Các chứng từ khác.

- **Tài khoản sử dụng:**

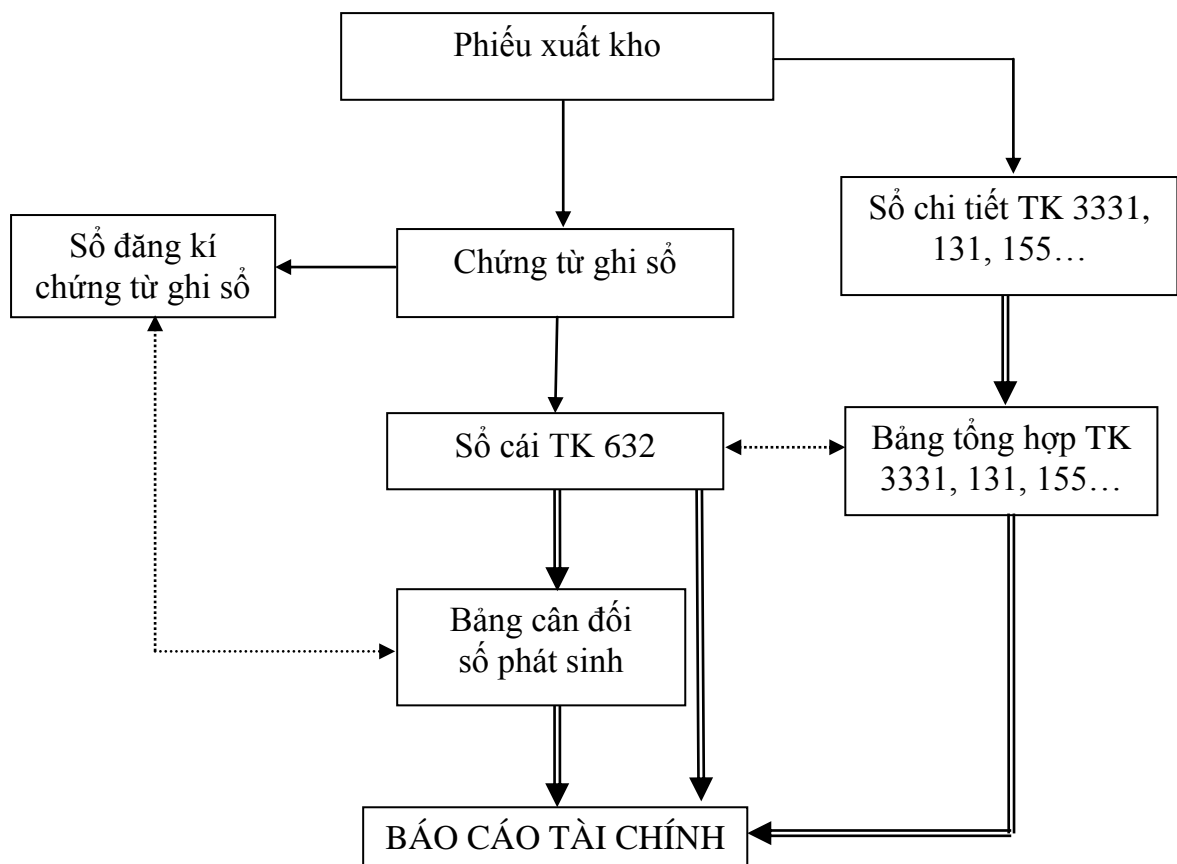
- + TK 632: Giá vốn hàng bán.
- + TK 155: Thành phẩm.
- + TK 156: Hàng hóa.
- + TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh.

2.2.2.2. Trình tự hạch toán:

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Nam Quân theo sơ đồ 2.2.2 sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.2.2 : Quy trình hạch toán Giá vốn hàng bán.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Ví dụ: Ngày 22/12/2010, Công ty TNHH Nam Quân bán 5082 cái hộp mắm Cao Đam (2 chai x 50 ml) cho Công ty CP chế biến dịch vụ Thủy Sản Cát Hải.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 15.246.000

Có TK 155: 15.246.000

Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán tiến hành các công việc như sau:

- + Căn cứ vào HDGTGT0094219 kế toán viết phiếu xuất.
- + Căn cứ các phiếu xuất kế toán lập các chứng từ ghi sổ, đồng thời vào sổ chi tiết .
- + Từ các chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành lập sổ cái TK 632, TK 155

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Cuối mỗi kỳ kế toán tổng hợp sổ sách liên quan đến TK 632, TK 155 để lập bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và bảng báo cáo kế toán.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 08 tháng 12 năm 2010			Mẫu số :01 GTKT-3LL BK/2010B 0094219		
Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH Nam Quân Địa chỉ: 208 An Đồng – An Dương – Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại:..... MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Đơn vị : Công ty CP chế biến dịch vụ Thủy Sản Cát Hải Địa chỉ: Thị trấn Cát Hải – Huyện Cát Hải – Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM..MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	B	1	2	3 = 1x2
01	Hộp mắm Cao Đạm (2 chai x 50ml)	cái	5.082	3.300	16.770.000
Cộng tiền hàng					16.770.600
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					1.677.060
Tổng cộng tiền thanh toán					18.447.660
Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Số :.....317.....

Nợ TK...632....

Có TK...155....

-Họ và tên người nhận hàng:...Lê Thanh Hương.....Địa chỉ(bộ phận): bán hàng

-Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng

-Xuất tại kho:.....SP HH.....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hộp mắt Cao Đạm (2 chai x 50ml)	HM- CĐ	Hộp	5.082	5.082	-	15.246.000
	Cộng	x	x	x	x	x	15.246.000

Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

Chứng từ ghi sổ

Số : 324

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Hộp mắt Cao Đạm (2 chai x 50ml)	632	155	15.246.000	
CỘNG	x	x	15.246.000	x

Kèm theo 02 chứng từ gốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02b-DN

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
323	07/12	52.000.000
324	08/12	16.770.600
325	08/12	1.677.060
326	08/12	15.246.000
...
340	17/12	332.838.000
341	18/12	85.000.000
342	18/12	15.000.000
343	18/12	75.570.000
...
365	27/12	18.492.000
366	27/12	1.849.200
...
371	28/12	36.948.838
372	28/12	31.637.500
373	29/12	65.487.234
374	29/12	12.830.000
375	29/12	4.407.734
...
Cộng tháng 12		7.839.949.022

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02c1-DN

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu :632

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
.....
			Quý IV/2010			
20/10	367	20/10	Sổ y bạ	155	4.820.838	20/12
.....
08/12	324	08/12	Hộp mắt Cao Đạm (2 chai x 50ml)	155	15.246.000	
.....
27/12	355	27/12	Thùng carton 5 lớp	155	17.989.500	
31/12	390	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911		490.887.285
			Cộng phát sinh tháng	x	490.887.285	490.887.285
			Cộng lũy kế	x	1.018.678.454	1.018.678.454

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02c1-DN

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Thành phẩm

Số hiệu : 155

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Quý IV/2010			
.....
			Dư đầu tháng 12			
			Số phát sinh trong tháng			
.....
08/12	324	08/12	Xuất bán hộp mắ Cao Đạm (2 chai x 50ml)	632		15.246.000
.....
27/12	355	27/12	Xuất bán thùng carton 5 lớp	632		17.989.500
.....
			Cộng phát sinh tháng	x	332.892.285	332.892.285
			Số dư lũy kế	x	1.018.678.454	1.018.678.454

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang
Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S10-DN

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 155

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Hộp mắt Cao Đạm (2chai x 50ml)

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	Ngày, tháng				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6
		Số dư đầu kỳ								
PN013	08/12	Nhập hộp mắt	154	3.000	5.082	15.246.000			5.082	15.246.000
PX017	08/12	Xuất hộp mắt	632	3.000			5.082	15.246.000	0	0
.....
		Cộng phát sinh			18.406	55.218.000	18.406	55.218.000		
		Tồn		x	x	x	x	x	0	0

Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S11-DN

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: 155

Tháng 12 năm 2010

STT	Tên, qui cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
01	Hộp mắt Cao Đạm (2chai x 50ml)	0	55.218.000	55.218.000	0
02	Thùng carton	0	184.668.000	184.668.000	0
.....
12	Thiếp cưới	0	9.462.683	9.462.683	0
13	Sổ y bạ	0	36.287.928	36.287.928	0
.....
	Cộng	0	332.892.285	332.892.285	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

- Toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kế toán công ty hạch toán chung vào tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

- Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí lương cho công nhân viên, chi phí khấu hao, chi phí điện nước, chi phí cho bán hàng,...

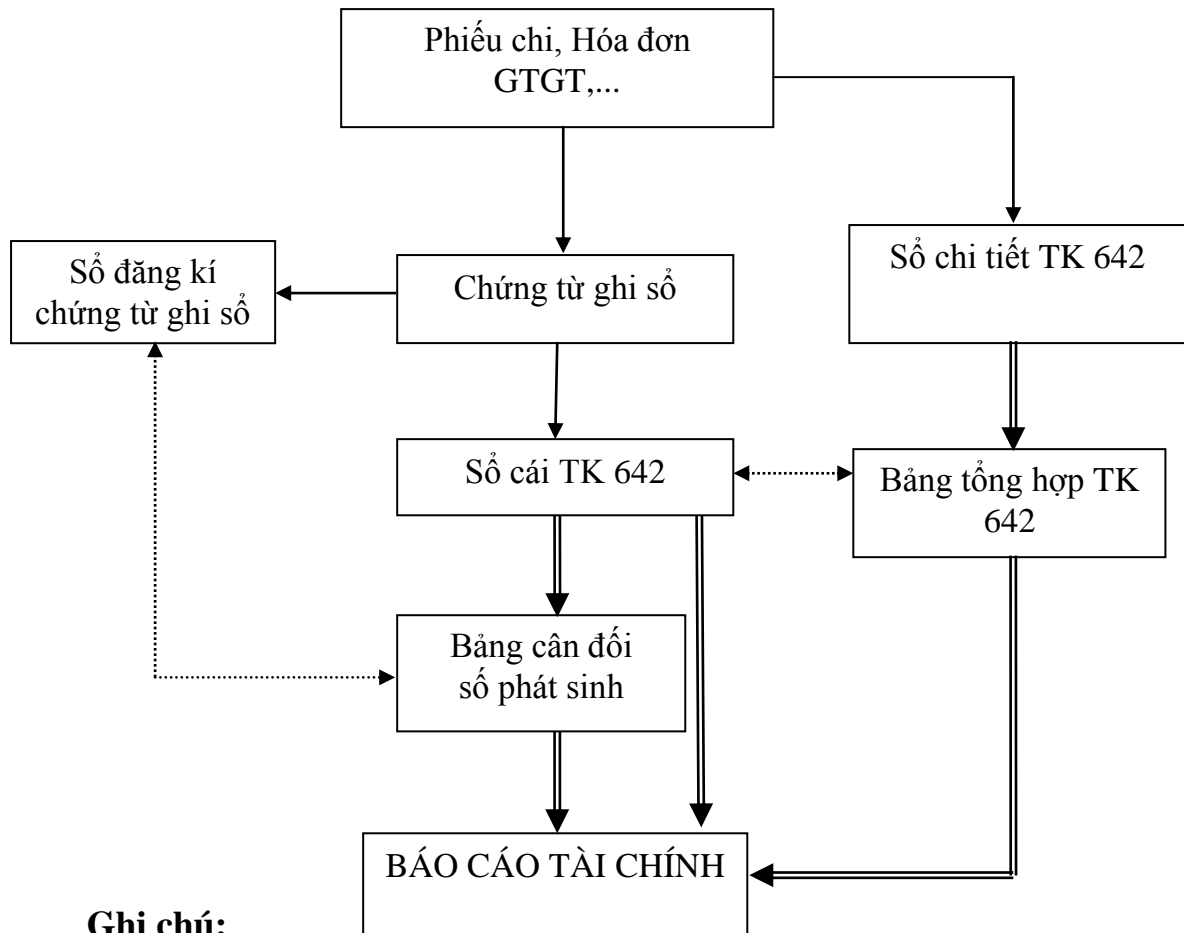
2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng:

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT.
 - + Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán.
 - + Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương.
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ,...
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

2.2.3.2. Trình tự hạch toán:

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Nam Quân theo sơ đồ 2.2.3 sau:

Sơ đồ 2.2.3 :Quy trình hạch toán Chi phí quản lý kinh doanh.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ các chứng từ liên quan đến hoạt động chung của công ty được quy định chung là chi phí quản lý kinh doanh. Kế toán ghi vào sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh. Đồng thời lập chứng từ ghi sổ, vào đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản.

Cuối tháng, kế toán tổng hợp sổ sách liên quan đến TK 642 để lập bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và bảng báo cáo kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ: Ngày 11/12/2010, mua văn phòng phẩm dùng cho văn phòng với giá thanh toán (chưa VAT 10%) là 165.000.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 165.000

Nợ TK 133: 16.500

Có TK 111: 181.500

Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán tiến hành các công việc như sau:

- + Căn cứ vào HĐ GTGT0050685 kế toán viết phiếu chi.
- + Căn cứ các phiếu chi kế toán lập các chứng từ ghi sổ, đồng thời vào sổ chi tiết .
- + Từ các chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành lập sổ cái TK 642, TK 111
- + Cuối mỗi kỳ kế toán tổng hợp sổ sách liên quan đến TK 642, TK 111 để lập bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và bảng báo cáo kế toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 11 tháng 12 năm 2010</p>	<p>Mẫu số :01 GTKT-3LL BK/2010B 0050685</p>				
Đơn vị bán hàng : Nhà sách Tiên Phòng Địa chỉ: Lạch Tray – Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại:..... MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Đơn vị : Công ty TNHH Nam Quân Địa chỉ: 208 An Đồng – An Dương – Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM..MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	B	1	2	3 = 1x2
01	Văn phòng phẩm				165.000
Cộng tiền hàng					165.000
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					16.500
Tổng cộng tiền thanh toán					181.500
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Số: 264

Nợ TK 642,133

Có TK 111

Họ tên người nhận tiền: *Nhà sách Tiên phong*

Địa chỉ: *Lạch Tray – Hải phòng*

Lý do chi: *Thanh toán tiền hàng*

Số tiền: *181.500 đồng.*

Viết bằng chữ: *Một trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng chẵn.*

Kèm theo : *01 chứng từ gốc*

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền : Mười hai triệu đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá, quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

Chứng từ ghi sổ

Số : 332

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Mua văn phòng phẩm	642	111	165.000	
CỘNG	x	x	165.000	x

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

Chứng từ ghi sổ

Số : 333

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Mua văn phòng phẩm	133	111	16.500	
CỘNG	x	x	16.500	x

Kèm theo 01 chứng từ gốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02b-DN

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
332	11/12	165.000
333	11/12	16.500
...
340	17/12	332.838.000
341	18/12	85.000.000
342	18/12	15.000.000
343	18/12	75.570.000
...
365	27/12	18.492.000
366	27/12	1.849.200
...
371	28/12	36.948.838
372	28/12	31.637.500
373	29/12	65.487.234
374	29/12	12.830.000
375	31/12	95.880.000
...
Cộng tháng 12		7.839.949.022

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02c1-DN

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : chi phí kinh doanh

Số hiệu :642

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
			Quý IV/2010			
.....
11/12	323	11/12	Mua văn phòng phẩm	111	165.000	
.....
31/12	392	31/12	Khấu hao TSCĐ	214	6.584.956	
31/12	394	31/12	Xác định BHXH, BHYT phải nộp	338	5.008.206	
31/12	393	31/12	Xác định lương phải trả	334	22.764.574	
31/12	390	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh			83.027.142
			Cộng phát sinh tháng	x	83.027.142	83.027.142
			Cộng số lũy kế quý IV/2010	x	214.081.426	214.081.426

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang
Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

2.2.4.1. Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là khoản thu nhập thu được liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính trong doanh nghiệp.

- **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo có.
- + Phiếu thu.
- + Các chứng từ khác có liên quan.

- **Tài khoản sử dụng:**

- + TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.4.2. Chi phí tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- + Chi phí liên quan đến lãi vay phải trả khi doanh nghiệp đi vay ngắn hạn, vay dài hạn. Lãi vay phải trả do mua hàng theo hình thức trả chậm trả góp.
- + Chi phí phát sinh liên quan đến đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- + Lỗ từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết.

- **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo nợ.
- + Phiếu chi.
- + Các chứng từ khác có liên quan.

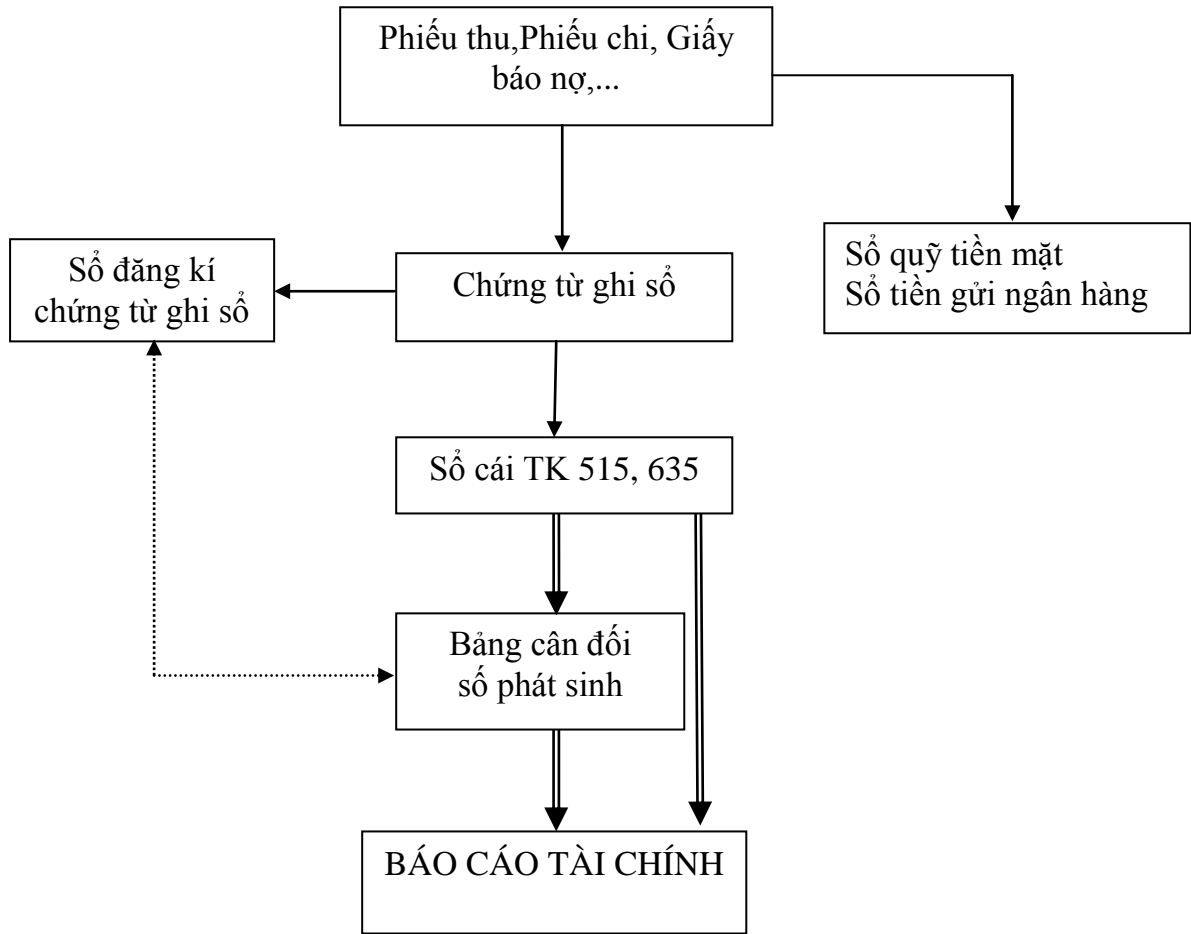
- **Tài khoản sử dụng:**

- + TK 635: Chi phí tài chính.

2.2.4.3. Trình tự hạch toán:

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Nam Quân theo sơ đồ 2.2.4 sau:

Sơ đồ 2.2.4 :Quy trình hạch toán Doanh thu hoạt động tài chính, Chi phí tài chính.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Ví dụ: Ngày 29/12/2010, trả lãi vay ngân hàng TMCP Quân Đội tháng 12 số tiền là: 4.407.734.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 4.407.734

Có TK 112: 4.407.734

Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán tiến hành các công việc như sau:

+ Căn cứ vào Giấy báo nợ kế toán lập các chứng từ ghi sổ, đồng thời vào sổ chi tiết .

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Từ các chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành lập sổ cái TK 635, TK 112
- + Cuối mỗi kỳ kế toán tổng hợp sổ sách liên quan đến TK 635 để lập bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và bảng báo cáo kế toán.

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

Chứng từ ghi sổ

Số : 375

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Trả lãi tiền vay ngân hàng	635	113	4.407.734	
CỘNG	x	x	4.407.734	x

Kèm theo 01 chứng từ gốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02b-DN

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48 TC/QĐ/CĐKT
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
332	11/12	165.000
333	11/12	16.500
...
340	17/12	332.838.000
341	18/12	85.000.000
342	18/12	15.000.000
343	18/12	75.570.000
...
365	27/12	18.492.000
366	27/12	1.849.200
...
371	28/12	36.948.838
372	28/12	31.637.500
373	29/12	65.487.234
374	29/12	12.830.000
375	29/12	4.407.734
...
Cộng tháng 12		7.839.949.022

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu số S02c1-DN

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
			Quý IV/2010			
.....
			Số phát sinh trong tháng 12			
29/12	375	29/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng	112	4.407.734	
31/12	390	31/12	K/c chi phí tài chính	911		4.407.734
			Cộng phát sinh tháng 12	x	4.407.734	4.407.734
			Số lũy kế quý IV/2010	x	11.223.204	11.223.204

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu số S02c1-DN

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
			Quý IV/2010			
.....
			Dư đầu tháng 12		8.296.209	
.....
06/12	320	06/12	Cty CP CBDV Thủy sản Cát Hải thanh toán tiền	131	199.042.515	
21/12	346	21/12	Nộp tiền vào ngân hàng	111	200.000.000	
.....
29/12	375	29/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng	635		4.407.734
			Cộng phát sinh tháng	x	530.125.231	394.553.912
			Số dư cuối tháng	x	143.867.528	

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.5. Xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Quân.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

Tài khoản sử dụng:

+ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

+ TK 421: Lợi .nhuận sau thuế.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng lợi} \\ \text{nhuận} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ hoạt} \\ \text{động SXKD} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{khác} \end{array}$$

Tổng lợi nhuận này chính là lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

Công việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện trên TK 911: Xác định kết quả kinh doanh. Vào cuối mỗi quý, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu. Chi phí sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Ví dụ quý IV/2010:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.232.360.448

Giá vốn hàng bán: 1.018.678.454

Lợi nhuận gộp (bh, cung cấp dịch vụ):

$$1.232.360.448 - 1.018.678.454 = 213.681.994$$

Doanh thu hoạt động tài chính: 428.285

Chi phí tài chính: 11.223.204

Chi phí quản lý kinh doanh: 214.081.426

Lợi nhuận thuần từ HĐKD:

$$213.681.994 + 428.285 - 11.223.204 - 214.081.426 = - 11.194.351$$

Thu nhập khác: không phát sinh

Chi phí khác: không phát sinh

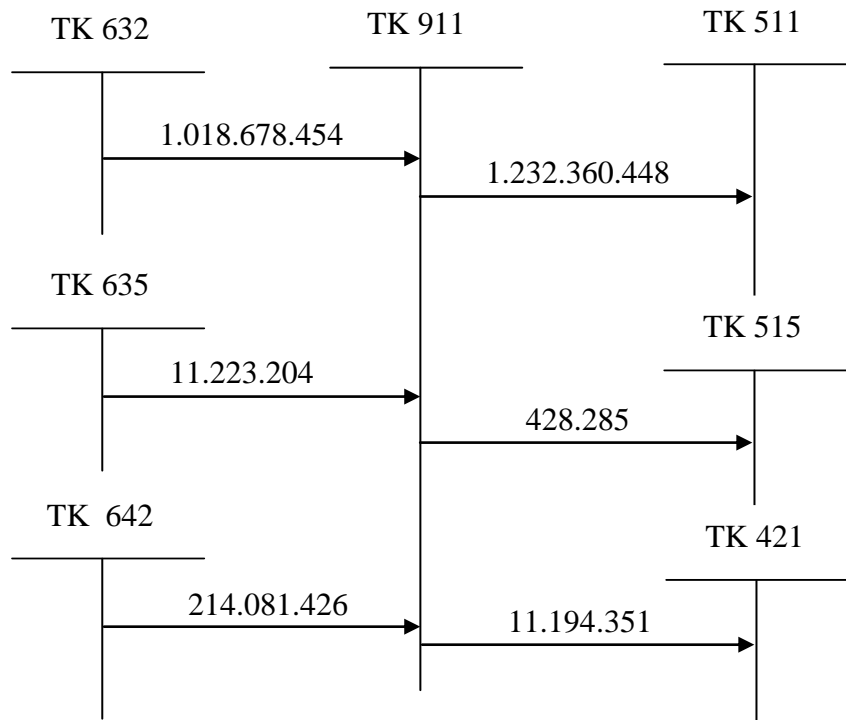
Tổng lợi nhuận trước thuế: - 11.194.351

Kết quả này cho thấy quý IV/2010, công ty bị lỗ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Quý IV/2010 có sơ đồ như sau:

Sơ đồ 2.2.6: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh Quý IV năm 2010 tại Công ty TNHH Nam Quân



Cuối quý kế toán lập các chứng từ hạch toán ghi các nghiệp vụ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh, căn cứ vào các chứng từ hạch toán lập chứng từ ghi sổ, ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ cái các tài khoản.

Ví dụ: Trích Quý IV/2010

Kế toán lập các chứng từ hạch toán, từ các chứng từ hạch toán lập chứng từ ghi sổ liên quan đến kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, ghi sổ cái TK 911, TK 421, TK 511, TK 632, TK 635, TK 642, TK 821,...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Nam Quân

Số: 42 /TCKT

An Đồng – An Dương - HP

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

Căn cứ quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân

Căn cứ.....

Nay phòng tài chính Công ty hạch toán như sau:

K/c doanh thu thuần quý IV

Nợ TK 511: 1.232.360.448

Có TK 911:1.232.360.448

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Công ty TNHH Nam Quân

Số: 43 /TCKT

An Đồng – An Dương - HP

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

Căn cứ quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân

Căn cứ.....

Nay phòng tài chính Công ty hạch toán như sau:

K/c giá vốn hàng bán quý IV

Nợ TK 911: 1.018.678.454

Có TK 632:1.018.678.454

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Nam Quân

Số: 44 /TCKT

An Đồng – An Dương - HP

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

Căn cứ quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân

Căn cứ.....

Nay phòng tài chính Công ty hạch toán như sau:

K/c doanh thu tài chính quý IV

Nợ TK 515: 428.285

Có TK 911:428.285

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Công ty TNHH Nam Quân

Số: 45 /TCKT

An Đồng – An Dương - HP

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

Căn cứ quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân

Căn cứ.....

Nay phòng tài chính Công ty hạch toán như sau:

K/c chi phí tài chính quý IV

Nợ TK 911: 11.223.204

Có TK 635:11.223.204

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Nam Quân

Số: 46 /TCKT

An Đồng – An Dương - HP

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

Căn cứ quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân

Căn cứ.....

Nay phòng tài chính Công ty hạch toán như sau:

K/c chi phí quản lý kinh doanh quý IV

Nợ TK 911: 214.081.426

Có TK 642:214.081.426

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Công ty TNHH Nam Quân

Số: 47 /TCKT

An Đồng – An Dương - HP

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

Căn cứ quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân

Căn cứ.....

Nay phòng tài chính Công ty hạch toán như sau:

K/c lợi nhuận sau thuế quý IV

Nợ TK 421: 11.194.351

Có TK 911:11.194.351

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

Chứng từ ghi sổ

Số : 389

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
K/c doanh thu thuần Quý IV	511	911	1.232.360.448	
K/c doanh thu tài chính Quý IV	515	911	428.285	
K/c lỗ Quý IV/2010	421	911	11.194.351	
CỘNG	x	x	1.243.883.084	x

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

Chứng từ ghi sổ

Số : 390

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
K/c giá vốn hàng bán Quý IV	911	632	1.018.678.454	
K/c chi phí tài chính Quý IV	911	635	11.223.204	
K/c chi phí quản lý kinh doanh Quý IV	911	642	214.081.426	
CỘNG	x	x	1.243.883.084	x

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số: S02b-DN

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48
TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006 của Bộ
trưởng BTC)

TRÍCH SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
332	11/12	165.000
333	11/12	16.500
...
340	17/12	332.838.000
341	18/12	85.000.000
342	18/12	15.000.000
343	18/12	75.570.000
...
365	27/12	18.492.000
366	27/12	1.849.200
...
371	28/12	36.948.838
372	28/12	31.637.500
373	29/12	65.487.234
...
379	31/12	1.243.883.084
380	31/12	1.243.883.084
...
Cộng tháng 12		7.839.949.022

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu số S02c1-DN

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: An Đồng – An Dương - HP

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Quý IV/2010			
31/12	390	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	1.018.678.454	
			K/c chi phí tài chính	635	11.223.204	
			K/c chi phí quản lý kinh doanh	642	214.081.426	
31/12	389	31/12	K/c doanh thu thuần	511		1.232.360.448
			K/c doanh thu tài chính	515		428.285
			K/c lỗ	421		11.194.351
			Cộng phát sinh tháng	x	1.243.883.084	1.243.883.084
			Số dư cuối kỳ	x		

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu số S02c1-DN

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Lãi chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
....
			Quý III/2010			
			SDDK			73.995.329
30/09	206	30/09	K/c lỗ	911	18.828.291	
			Cộng phát sinh		18.828.291	
			Dư cuối kỳ			55.167.038
			Quý IV/2010			
			SDDK			55.167.038
31/12	389	31/12	K/c lỗ	911	11.194.351	
			Cộng phát sinh		11.194.351	
			Dư cuối kỳ	x		43.972.687

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau khi đã xác định xong kết quả kinh doanh, căn cứ vào sổ chi tiết, sổ cái các tài khoản, kế toán tổng hợp tiến hành lập báo cáo kết quả kinh doanh cho một quý của công ty. Báo cáo này phục vụ cho việc quản trị của công ty, cung cấp thông tin cần thiết cho ban giám đốc, các trưởng phòng công ty về tình hình tiêu thụ hàng hóa trong kỳ và từ đó có chiến lược tốt nhất vạch ra cho kỳ doanh thu tiếp theo.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số B02 – DN

Địa chỉ: An Đông – An Dương - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Quý IV/2010

Đơn vị tính : Đồng việt nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay
A	B	C	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	1.232.360.448
2. Các khoản giảm trừ	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		1.232.360.448
4. Giá vốn hàng bán	11		1.018.678.454
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		213.681.994
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		428.285
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		11.223.204
- Trong đó lãi vay	23		
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		214.081.426
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(11.194.351)
10. Thu nhập khác	31		
11. Chi phí khác	32		
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	(11.194.351)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC
CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NAM QUÂN.**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nam Quân.

Nền kinh tế đang vận động và phát triển mạnh mẽ những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi công ty phải đương đầu với rất nhiều khó khăn do cả yếu tố khách quan từ thị trường và cả yếu tố chủ quan từ doanh nghiệp.

Công ty đã giải quyết nhiều việc làm cho toàn bộ công nhân viên, đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước và tạo thu nhập ổn định cho người lao động.

Để đạt được thành tích như vậy là nhờ Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên có năng lực, trình độ đạo đức, tác phong tốt, có thể đảm đương mọi nhiệm vụ phù hợp với khả năng của mình.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng nâng cao trình độ công nhân, bằng việc không ngừng nâng cao bồi dưỡng các nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực in ấn, sản xuất bao bì. Điều này, giúp cho cán bộ công nhân viên trong công ty hoạt động nhạy bén hơn, phát huy được khả năng của mình.

Để có thể tồn tại và ngày càng phát triển, các doanh nghiệp phải không ngừng nghiên cứu, học hỏi, sáng tạo tìm ra chiến lược kinh doanh hiệu quả nhất cho bản thân doanh nghiệp. Công ty TNHH Nam Quân chủ yếu là in ấn và sản xuất bao bì. Trong những năm gần đây, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế thị trường và sự cạnh tranh gay gắt của các công ty sản xuất trong cùng lĩnh vực.

Sau quá trình thực tập, tìm hiểu tại Công ty TNHH Nam Quân, em nhận thấy công tác kế toán có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm:

• **Về bộ máy quản lý:**

Ban lãnh đạo công ty: năng động

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Nam Quân đã tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả mọi hoạt động của công ty đều do giám đốc điều hành và quản lý.

- ***Về bộ máy kế toán.***

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại Phòng Kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu nhập, kiểm tra, xử lý sẽ được gửi về Phòng Kế toán. Sau đó Phòng Kế toán kiểm tra lại tính chính xác và hợp lệ của chứng từ tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo tính tập trung và thống nhất của công tác kế toán.

Bộ máy kế toán đã đi vào nề nếp được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, thực hiện đúng chế độ hiện hành. Công ty đã xác định quy chế làm việc rõ ràng, chức năng nhiệm vụ quyền hạn của từng bộ phận trong công ty từ giám đốc đến các phòng ban trong công ty. Mỗi nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao nắm vững chính sách chế độ của nhà nước cũng như nhiệm vụ của mình, làm việc nhiệt tình có kế hoạch, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, tạo điều kiện cho mọi người có khả năng đi sâu tìm hiểu, nâng cao nhiệm vụ phát huy hết khả năng sức lực của mình.

- ***Về tổ chức công tác hạch toán kế toán.***

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ kế toán của nhà nước, tổ chức mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán của công ty khi phát sinh nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa thì các chứng từ đều lập đầy đủ, được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ. Chứng từ được lập đều có đầy đủ chữ ký của người liên quan, sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính.

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ tại công ty là hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý của nghiệp vụ. Công ty sử dụng các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu,

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan.

- ***Về hình thức kế toán.***

Công ty vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, việc áp dụng hình thức kế toán này trong hạch toán kế toán đảm bảo ghi chép thông tin đầy đủ, chi tiết chính xác, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu sau này. Do vậy công tác kế toán thực hiện tương đối tốt, khoa học, tiến hành đều đặn hàng tháng với cách tập hợp bám sát thực tế của công ty, thông qua đó giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết nhanh chóng kết quả kinh doanh của công ty.

- ***Về công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.***

Công ty theo mở các tài khoản nhỏ để theo dõi cho từng loại sản phẩm. Từ đó, có thể theo dõi một cách chi tiết, chính xác tình hình tiêu thụ của từng loại sản phẩm.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì công ty còn một số mặt hạn chế nhất định cần khắc phục.

- ***Về bộ máy kế toán:***

Nhìn vào sơ đồ phản ánh bộ máy kế toán của Công ty dễ nhận thấy một điều là các nhân viên kế toán còn phải kiêm nhiệm nhiều phần hành kế toán gây lên khó khăn trong việc thực hiện các chính sách chế độ kế toán, và đôi lúc gây ra tình trạng quá tải vì một nhân viên phải làm nhiều phần hành.

Ta thấy trên sơ đồ kế toán quỹ tiền mặt, kiêm thủ quỹ, rõ ràng đã vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm.

- ***Về hình thức kế toán:***

Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Chứng từ ghi sổ có một số mặt hạn chế như việc ghi chép vẫn còn trùng lặp dẫn đến việc kiểm tra đối chiếu thường bị chậm do đó việc lập báo cáo cũng bị chậm theo.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ***Về hạch toán, chứng từ sử dụng, quá trình luân chuyển chứng từ:***

- Công ty sản xuất khá nhiều sản phẩm việc hạch toán ghi chép số liệu vào sổ sách là tương đối nhiều và tốn thời gian.

- Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa Phòng Kinh doanh, Phòng Kế toán và Thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

- ***Về trang thiết bị, kỹ thuật:***

Công ty còn thiếu một số máy móc thiết bị hiện đại phục vụ cho sản xuất. Công ty còn sử dụng nhiều máy móc cũ đã hết giá trị khấu hao. Điều này làm sản lượng sản phẩm sản xuất ra là thấp. Dẫn tới giá sản phẩm là khá cao so với sản phẩm cùng loại trên thị trường và làm giảm khả năng cạnh tranh.

- ***Về chính sách bán hàng.***

Công ty chưa có chính sách thu hút khách hàng, tạo thêm nhiều hợp đồng kinh tế như: Chiết khấu thương mại. Bán hàng là nhiệm vụ hết sức quan trọng quyết định lớn đến việc thu được lợi nhuận về cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, vấn đề về cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt quyết liệt, không đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu làm giảm hiệu quả của công tác tiêu thụ hàng hóa, giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.1.3. Nguyên nhân của thực trạng.

- ★ ***Về phía nhà nước, cơ quan chức năng:***

Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, không mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy không chặt chẽ. Qua trình xử lý vi phạm không nghiêm minh.

- ★ ***Về phía tổ chức nghề nghiệp:***

- + Hoạt động còn mang tính chất hình thức chưa phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

- + Thiếu một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển hiệp hội: Khung pháp lý hiện hành còn chưa hệ thống hóa và phức tạp, với các thủ tục đăng ký phức tạp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Thiếu nguồn lực, thiếu năng lực, thiếu cán bộ chuyên trách.

★ Về phía doanh nghiệp:

+ Do thói quen: Trong công ty việc hạch toán và phương pháp hạch toán được duy trì từ kế toán cũ rất ít được thay đổi. Đây là thói quen cố hữu và tồn tại trong một số thành viên trong phòng kế toán, họ không muốn thay đổi phương pháp làm việc.

+ Chậm đổi mới: Xã hội ngày càng phát triển, khoa học kỹ thuật ngày càng được ứng dụng nhiều vào trong mọi lĩnh vực của đời sống. Ngành kế toán cũng không ngoại trừ. Vì vậy phương pháp hạch toán, kế toán cũng đòi hỏi phải thay đổi theo để cho công việc hạch toán được nhanh chóng, và mức độ chính xác cao.

+ Cán bộ già: Đội ngũ nhân viên trong các phòng ban của công ty đa số là những người có vài chục năm kinh nghiệm, làm quen với kiểu công. Bên cạnh những ưu điểm là có kinh nghiệm thì đội ngũ cán bộ lâu năm thường chậm nắm bắt kịp được với những ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc. Và họ có tư tưởng ngại tiếp cận với những cái mới, không muốn thay đổi thói quen trong công việc.

+ Yêu cầu quản lý, kiểm tra công tác kế toán tại công ty không đầy đủ, không chặt chẽ.

+ Tính tự giác và tinh thần trách nhiệm của cán bộ kế toán chưa cao.

+ Điều kiện tài chính còn hạn chế.

3.1.4. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ tình trạng.

★ Về phía nhà nước, cơ quan chức năng:

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm.

★ Về phía tổ chức nghề nghiệp:

+ Cần hoạt động đúng theo chức năng, nhiệm vụ của hiệp hội.

+ Cần xây dựng một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển hiệp hội thống nhất và xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các hiệp hội doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Nguồn lực cần được đảm bảo và đồng thời cũng đảm bảo về trình độ chuyên môn.

★ Về phía doanh nghiệp:

+ Nhân viên kế toán cần thay đổi và học hỏi công tác hạch toán và phương pháp hạch toán, đồng thời áp dụng khoa học kỹ thuật vào việc hạch toán và phương pháp để cung cấp số liệu đầy đủ và nhanh chóng hơn cho doanh nghiệp trong chiến lược phát triển.

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính để đảm bảo nguồn tài chính cho sự hoạt động và phát triển của doanh nghiệp

+ Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

3.2. Ý nghĩa, yêu cầu và nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Quân.

3.2.1. Ý nghĩa.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó, các doanh nghiệp sẽ có các biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hóa, tăng doanh thu cho

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ với nhà nước.

Đối với công tác kế toán hoàn thiện nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, sẽ có biện pháp để giải quyết kịp thời những khó khăn và phát huy thêm những thuận lợi nhằm giúp cho doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2. Yêu cầu.

Kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực cho công tác quản lý thông qua việc thu thập, xử lý, tính toán, tổng hợp, cân đối số liệu để cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nắm vững các chức năng nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác quản lý nói riêng. Hoàn thiện công tác kế toán ngay từ hệ thống chứng từ ban đầu nâng cao tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách dễ dàng, tiết kiệm được chi phí, thời gian. Hệ thống sổ sách kế toán đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc đối chiếu và bám sát tình hình kinh doanh. Công tác kế toán cuối kỳ sẽ được phản ánh chính xác, kịp thời và đáng tin cậy.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên lý thuyết mà phải phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát tình hình thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin phải xác thực phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.2.3. Nguyên tắc hoàn thiện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, công ty TNHH Nam Quân dựa trên những nguyên tắc sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán, đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy, khi hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ quản lý. Do đó, việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu về thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp người quản lý nắm bắt tình hình. Từ đó, ra quyết định đúng đắn và cần thiết.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn càng hiệu quả. Vì vậy, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với hạch toán kinh tế.

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nam Quân.

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đi vào hoạt động đều không tránh khỏi những hạn chế, những điều này sẽ gây cản trở cho hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của doanh nghiệp. Qua một thời gian thực tập tại công ty TNHH Nam Quân em cũng nhận thấy một số hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Công ty sẽ hoạt động hiệu quả cao hơn nếu có các biện pháp khắc phục và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Em xin đưa ra một số ý kiến về việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.3.1. Hoàn thiện về bộ máy kế toán.

Như phần trên cho thấy nhân viên kế toán của Công ty phải kiêm nhiệm nhiều phần hành kế toán, công việc đôi lúc không thể giải quyết được, điều này sẽ ảnh hưởng đến tính kịp thời, chính xác và đầy đủ của thông tin mà phòng kế toán cung cấp.

Do vậy theo em, phòng kế toán nên bổ sung thêm nhân viên kế toán để giảm bớt gánh nặng công việc cho các nhân viên kế toán nhằm nâng cao hơn chất lượng công tác kế toán của Công ty.

3.3.2. Hoàn thiện hệ thống chứng từ:

Chứng từ kế toán là những tờ giấy và vật mang tên phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Điều tra đối chiếu các yếu tố cơ bản để hình thành một bản chứng từ hoàn thiện. Xét về mặt lý thuyết thì các chứng từ kế toán Công ty đã sử dụng đều đúng với luật định, áp dụng đúng các loại chứng từ mà bộ luật quy định đối với mỗi doanh nghiệp, tuân thủ chấp hành nghiêm các quy định về luật sửa đổi chứng từ. Thể hiện rõ ý nghĩa chứng từ là một bằng chứng để chứng minh cho tính hợp pháp, hợp lệ của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở Công ty, là căn cứ pháp lý cho mọi số liệu, thông tin kinh tế và là cơ sở số liệu để ghi sổ kế toán. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót trong việc ghi các chứng từ. Kế toán cần ghi đầy đủ nội dung của các chứng từ. Nếu những thiếu sót nhỏ trong việc ghi chép chứng từ cứ liên tiếp diễn ra thì chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến Công ty về một số mặt như: Hạch toán, tính toán và ghi sổ.

3.3.3. Hoàn thiện về công tác tiêu thụ.

Nguyên nhân chủ yếu việc tiêu thụ chậm sản phẩm là giá sản phẩm của Công ty khá cao so với sản phẩm cùng loại trên thị trường. Vì vậy, để hạ giá thành sản phẩm công ty phải tiết kiệm chi phí, quan trọng hơn là tăng năng suất sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để được như vậy công ty phải có kế hoạch đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, đồng bộ, thoải loại những máy móc cũ đã hết giá trị.

Đồng thời tăng thêm chi phí để đào tạo cũng như tuyển dụng công nhân có tay nghề cao.

Cùng với việc đầu tư công ty phải chú ý đặc điểm đến công tác thị trường, tìm mua nguyên liệu rẻ và bán hàng cho nơi được giá và có điều kiện thanh toán tốt. Khi có đầu tư đến thị trường cao cấp hơn, khó tính hơn.

Khi công ty đủ lớn cần thiết phải lập một bộ phận bán hàng riêng. Vì vậy, cần chú ý đến cán bộ trẻ có năng lực, có nhiệt huyết, xây dựng đội ngũ gắn bó lâu dài.

3.3.4. Một số giải pháp khác.

- Hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính và kế toán của Nhà nước do Bộ tài chính Ban hành. Kế toán có cơ sở xác định đúng, chính xác kết quả kinh doanh cung cấp cho nhà lãnh đạo công ty những thông tin mang tính chất thường xuyên, liên tục và có hệ thống về tình hình hiện có cũng như sự biến động của các khoản mục chi phí phát sinh để lập dự toán chi phí và phân đầu điều tiết các khoản chi phí này cho hiệu quả.

- Ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường, tận dụng yếu tố khách quan thì công ty cũng cần quan tâm đến vấn đề nhân sự. Riêng đối với nhân viên kế toán cần tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ nghiệp vụ tin học, vì hiện nay trong phòng kế toán tuy đã trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in nhưng chưa tận dụng hết khả năng của máy tính, đặc biệt là hiệu quả làm việc của excel, và một số phần mềm được áp dụng.

- Hiện nay công ty không có bất kỳ một chính sách chiết khấu thương mại hay chiết khấu thanh toán nào đối với khách hàng mua với số lượng lớn và thanh toán nhanh. Vì vậy, em đề nghị công ty TNHH Nam Quân sẽ xây dựng một chính sách cho khách hàng để đẩy mạnh cho quá trình bán hàng, tăng doanh thu bán hàng hóa.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

★ *Khi áp dụng phương pháp chiết khấu thanh toán:*

- Tài khoản sử dụng: Theo hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp thì khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hóa, dịch vụ khi thanh toán tiền trước hạn được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp: Tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”.

- Phương pháp hạch toán: Căn cứ vào phiếu thu tiền mặt hoặc giấy báo có của Ngân hàng và kỳ hạn thanh toán ghi trên hợp đồng về khoản tiền khách hàng thanh toán, kế toán phản ánh khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng theo bút toán:

Nợ TK 635: Chiết khấu thanh toán

Nợ TK 111,112: Số tiền thực thu sau khi trừ đi chiết khấu

Có TK 131: Số tiền phải thu của khách hàng

Về thời hạn và tỷ lệ chiết khấu thanh toán: Thời hạn thanh toán và tỷ lệ được hưởng chiết khấu thanh toán phải được ghi rõ trong điều khoản thanh toán của hợp đồng kinh tế. Công ty nên áp dụng các tỷ lệ chiết khấu khác nhau với từng thời hạn thanh toán tương quan với số tiền phải thu của khách hàng, càng thanh toán sớm thì tỷ lệ chiết khấu càng cao ví dụ thanh toán sớm 45 ngày được hưởng chiết khấu 2%, sớm 30 ngày được hưởng chiết khấu 1% trên tổng giá thanh toán.

★ *Khi áp dụng phương pháp chiết khấu thương mại:*

- Tài khoản sử dụng: Theo hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp thì khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hóa, dịch vụ khi thanh toán tiền trước hạn được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp: Tài khoản 521 – “Chiết khấu thương mại”.

- Phương pháp hạch toán:

Nợ TK 521: Chiết khấu thanh toán

Nợ TK 3331: Số tiền thực thu sau khi trừ đi chiết khấu

Có TK 111, 112,131: Số tiền phải thu của khách hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối kỳ, kế toán sẽ thực hiện bút toán kết chuyển số tiền (Chiết khấu bán hàng đã chấp thuận) cho khách hàng sang TK 511 – “Doanh thu bán hàng”

Nợ TK 511: Số tiền thực thu sau khi trừ đi chiết khấu

Có TK 521: Số tiền phải thu của khách hàng

3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp.

3.4.1. Về phía Nhà nước, cơ quan chức năng.

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm.

3.4.2. Về phía hiệp hội nghề nghiệp.

+ Cần xây dựng một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển hiệp hội thống nhất và xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các hiệp hội doanh nghiệp.

+ Nguồn lực cần được đảm bảo và đồng thời cũng đảm bảo về trình độ chuyên môn.

3.4.3. Về phía doanh nghiệp.

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán.

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Trong việc quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính.

+ Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾT LUẬN

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tế cao. Trong công tác quản lý kinh tế đặc biệt là trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò quan trọng, quyết định sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Do vậy, để kế toán phát triển được vai trò này thì việc thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một điều tất yếu. Trên góc độ cán bộ kế toán, em nghĩ rằng cần phải nhận thức đầy đủ về lý luận và thực tế dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình thực tập tốt nghiệp, với sự chỉ đạo tận tình cả giáo viên hướng dẫn: Tiến sĩ Thịnh Văn Vinh và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Công ty TNHH Nam Quân đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Quân.

Nội dung của đề tài khóa luận này rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế, do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự thông cảm và những đóng góp từ phía thầy cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy giáo: Phó giáo sư, tiến sĩ Thịnh Văn Vinh – người đã trực tiếp hướng dẫn em.

Hải phòng, ngày....tháng....năm..2011...

Sinh viên

Phạm Thị Yến